TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
Digitally signed by TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
DN: C=VN, S=Hà Nội, CN=TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100104443
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023-07-06 11:08:00
Foxit Reader Version: 9.7.1

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 01000104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/05/2023)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...164...../GCN-UBCK do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ..03 tháng .7... năm 2023

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TỪ NGÀY....THÁNG....NĂM..... TẠI:

1. **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**

   Địa chỉ: 519 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

   Điện thoại: 024.38626769 Fax: 024.38623645

   Website: www.vilico.vn Email: vilico@vilico.vn

2. **Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội**

   Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

   Điện thoại: +84 24 3936 6321 Fax: +84 24 3936 6318

   Website: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Ông Trịnh Phương Nam

Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Điện thoại: 024.38621688

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 01000104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/05/2023)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá chào bán:	14.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	43.086.543 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	430.865.430.000 VNĐ

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

- **CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM**

  Địa chỉ: Tầng 46, Keangnam Landmark 72, đường E6 Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

  Điện thoại: (024) 3946 1600

  Website: www.kpmg.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

- **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI – CHI NHÁNH HÀ NỘI**

  Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

  Điện thoại: +84 24 3936 6321 Fax: +84 24 3936 6318

  Website: www.ssi.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH **5**
1. Tổ chức phát hành – Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP 5
2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội 5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO **6**
1. Rủi ro về kinh tế 6
2. Rủi ro về luật pháp 7
3. Rủi ro đặc thù 7
4. Rủi ro về đợt chào bán 8
5. Rủi ro pha loãng 9
6. Rủi ro quản trị công ty 11
7. Rủi ro khác (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...) 11
III. CÁC KHÁI NIỆM **12**
IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP BỊ SÁP NHẬP TRƯỚC THỜI ĐIỂM SÁP NHẬP **13**
1. Thông tin chung về doanh nghiệp bị sáp nhập 13
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của GTN 13
3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu của GTN 14
4. Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của GTN 14
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của công ty bị sáp nhập, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty bị sáp nhập, những công ty mà công ty bị sáp nhập nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 17
6. Hoạt động kinh doanh 18
7. Kết quả hoạt động kinh doanh 20
8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 22
9. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm của Công ty 23
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH **24**
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành 24
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành 24
3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu của nhóm Công ty 25
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VLC 26
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 32
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 35
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 35
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 36
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 37
10. Hoạt động kinh doanh 37
11. Chính sách đối với người lao động 49
12. Chính sách cổ tức 51
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất 51
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành 51

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng: 51
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 51
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH **52**
1. Kết quả hoạt động kinh doanh 52
2. Tình hình tài chính 53
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành 59
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 60
VII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH **61**
1. Thông tin về cổ đông sáng lập 61
2. Thông tin về cổ đông lớn 61
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng 63
VIII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN **77**
1. Loại cổ phiếu 77
2. Mệnh giá 77
3. Tổng số cổ phiếu chào bán 77
4. Giá chào bán: 77
5. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá 77
6. Phương pháp tính giá 77
7. Phương thức phân phối 77
8. Đăng ký mua cổ phiếu 78
9. Lịch trình phân phối dự kiến 78
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: 79
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 79
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 79
13. Hủy bỏ đợt chào bán 79
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 80
15. Các loại thuế có liên quan 80
16. Thông tin về các cam kết 81
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt: 81
IX. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN **81**
X. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN: **84**
XI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN **85**
XII. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ **86**
XIII. PHỤ LỤC **86**

NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN **87**

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: So sánh EPS năm 2023 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần 10
Bảng 2: Cấu trúc doanh thu GTN 19
Bảng 3: Cấu trúc lợi nhuận gộp GTN 19
Bảng 4: Tình hình tài sản của GTN tại 31/12/2021 19
Bảng 5: Danh sách một số tài sản lớn của GTN tại 31/12/2021 20
Bảng 6: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh 21
Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính 22
Bảng 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm trước sáp nhập (ngày 05/11/2021) 36
Bảng 9: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm sau sáp nhập (ngày 10/03/2023) 36
Bảng 10: Cấu trúc doanh thu VLC trước và sau thời điểm sáp nhập 37
Bảng 11: Cấu trúc lợi nhuận gộp VLC trước và sau thời điểm sáp nhập 38
Bảng 12: Tình hình tài sản trước thời điểm sáp nhập (tại 31/12/2021) 38
Bảng 13: Danh sách một số tài sản lớn của VLC trước thời điểm sáp nhập (tại 31/12/2021) 38
Bảng 14: Tình hình tài sản của VLC sau thời điểm sáp nhập (tại 31/03/2023) 39
Bảng 15: Danh sách một số tài sản lớn của VLC sau thời điểm sáp nhập (tại 31/03/2023) 39
Bảng 16: Cơ cấu trình độ lao động trước thời điểm sáp nhập 49
Bảng 17: Cơ cấu trình độ lao động sau thời điểm sáp nhập 50
Bảng 18: Chính sách cổ tức giai đoạn trước và sau sáp nhập từ 2021 - 2023 51
Bảng 19: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh 52
Bảng 20: Báo cáo về vốn 54
Bảng 21: Mức lương bình quân (tính trên Công ty mẹ) 54
Bảng 22: Tình hình các khoản phải thu 55
Bảng 23: Tình hình các khoản phải trả 56
Bảng 24: Tình hình nộp thuế 57
Bảng 25: Số dư các quỹ 58
Bảng 26: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 58
Bảng 27: Kế hoạch năm 2023 (Triệu đồng) 60
Bảng 28: Lịch trình dự kiến các mốc thời gian của đợt phát hành 79

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm 6
Hình 2. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm 7
Hình 3. Sơ đồ tổ chức và cơ cấu của GTN trước thời điểm bị sáp nhập 14
Hình 4. Sơ đồ tổ chức GTN 15
Hình 5: Cơ cấu tổ chức và cơ cấu của nhóm Công ty sau thời điểm sáp nhập GTNFoods 26
Hình 6. Sơ đồ tổ chức VLC trước thời điểm nhận sáp nhập 27
Hình 7. Sơ đồ tổ chức VLC sau thời điểm sáp nhập 29

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành – Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

- Bà Mai Kiều Liên — Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Trịnh Phương Nam — Chức vụ: Tổng giám đốc
- Ông Hoàng Mạnh Cường — Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội

- Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
- Chức vụ: Giám đốc Tài chính

  (Giấy ủy quyền số: 08/2020/UQ-SSI do Ông Nguyễn Hồng Nam – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ký ngày 04/09/2020)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 09/2022/SSI-HN/NHĐT đã ký ngày 19 tháng 07 năm 2022 với Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (gọi tắt là "**VLC**" hoặc "**Tổng Công ty**") được thành lập gồm các đơn vị thành viên có quan hệ gắn bó về kinh tế, công nghệ, thương mại, thông tin, khoa học – kỹ thuật, đào tạo, nghiên cứu, ... hoạt động trong ngành chăn nuôi. Do đặc thù ngành nghề hoạt động, công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

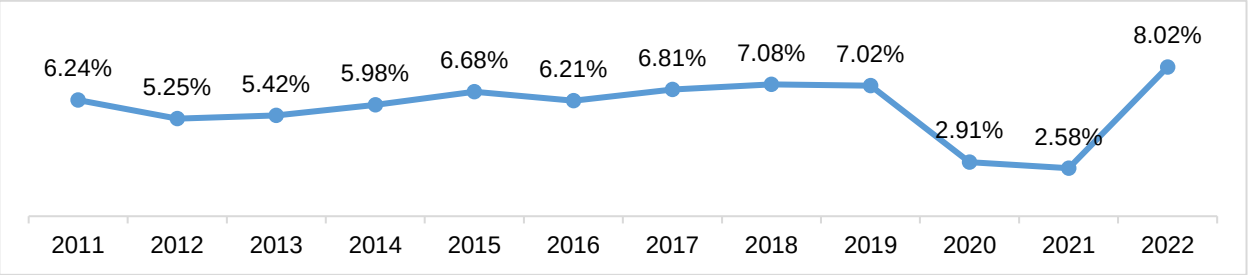
1. Rủi ro về kinh tế

Tăng trưởng kinh tế

Mảng kinh doanh của VLC gắn liền với nhu cầu tiêu dùng, do đó liên quan trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế. Nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng rất nhanh trong những năm gần đây. Năm 2019, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,02%, vượt mức Chính phủ đề ra là 6,78% và cũng là năm thứ hai liên tiếp GDP tăng trưởng trên 7%. Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, kinh tế chỉ tăng trưởng 2,91% nhưng vẫn nằm trong nhóm các nước tăng trưởng dẫn đầu khu vực và thế giới, trong bối cảnh nhiều nước tăng trưởng âm trong năm nay. Năm 2021, nhiều nước trên thế giới đã triển khai tiêm vaccine trên phạm vi quốc gia. Điều này đưa đến hi vọng về việc dịch bệnh sẽ sớm được kiểm soát, dẫn đến sự phục hồi và tăng trưởng trở lại của kinh tế thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng. Năm 2021 ghi nhận mức tăng trưởng 2,58%, phản ánh những khó khăn do dịch COVID-19 tới mọi lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 khi nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh.

Ngày 29/12/2022, Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã công bố tăng trưởng GDP thực tế đạt ở mức 8,02% cho năm 2022 do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 10 năm qua. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%. Dự báo tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 6,5-6,8%. Với sự phục hồi mạnh mẽ từ nền kinh tế, ban lãnh đạo Tổng Công ty đánh giá hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ có nhiều cải thiện trong thời gian tới.

Hình 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

Lạm phát

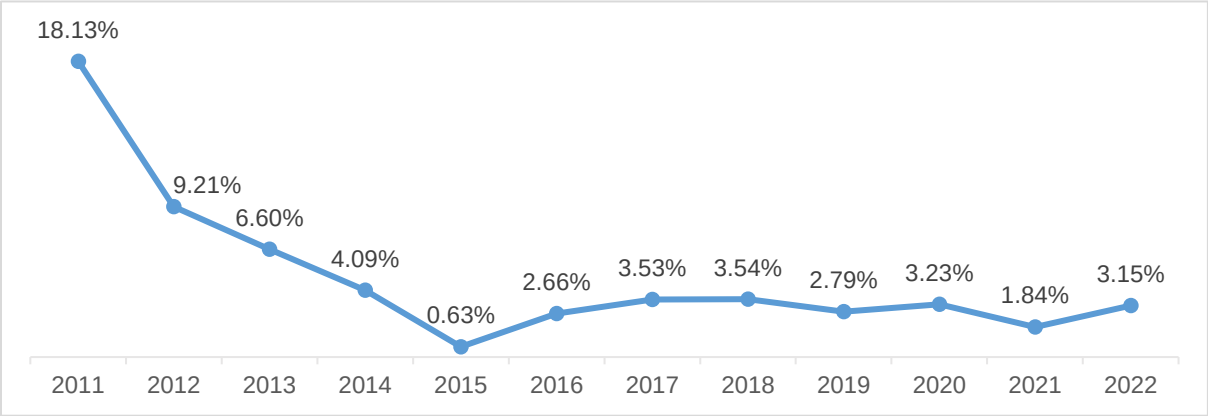
Trải qua giai đoạn lạm phát rất cao những năm 2008-2012, với chính sách hướng tới ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát của Việt Nam đã dần được kiểm soát. Giai đoạn 2016-2019, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm qua, một phần là do ảnh hưởng của sự lao dốc của giá dầu thô. Năm 2020, trong điều kiện Chính phủ thực hiện nới lỏng tiền tệ để kích thích kinh tế trong điều kiện dịch bệnh, lãi suất giảm mạnh và nhiều gói cứu trợ được đưa ra, lạm phát vẫn đang được kiểm soát ở mức hợp lý, chỉ 3,23%. CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với bình quân năm 2020 là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 5 năm trở lại đây (giai đoạn 2016-2021).

Ngày 29/12/2022, Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã công bố CPI bình quân cả năm 2022 tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Điều này là nhờ những chính sách hỗ trợ từ chính phủ như giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8%; giảm

50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay; giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu, v.v. Tuy nhiên, những yếu tố bên ngoài như giá nguyên vật liệu gia tăng trên thế giới cũng như sự gia tăng của đồng Đô la và giá các lương thực phẩm cũng sẽ ảnh hưởng ít nhiều khiến lạm phát có thể tăng lên trong tương lai.

Các sản phẩm của Tổng Công ty là các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu đối với các hộ gia đình, đặc biệt là các gia đình có trẻ nhỏ. Vì vậy ban lãnh đạo Công ty đánh giá rủi ro lạm phát có thể ảnh hưởng lớn đến mức chi tiêu của các gia đình nhưng sẽ không ảnh hưởng quá nhiều đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Hình 2. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

Lãi suất

Trong những năm gần đây, lãi suất cho vay của doanh nghiệp đã trở nên bình ổn và tạo sức bật cho cả nền kinh tế hội nhập và phát triển toàn cầu. Đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh, với các chính sách miễn giảm lãi vay của nhà nước và chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, lãi suất cho vay doanh nghiệp ngày càng giảm, hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Lãi suất thấp giúp hỗ trợ cho Tổng Công ty trong việc giảm chi phí lãi vay, ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2020 và các năm tiếp theo. Rủi ro lãi suất đối với Tổng Công ty trong năm 2022 là rất hạn chế vì Tổng Công ty không phát sinh khoản vay ngân hàng nào trong năm 2022.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành sản xuất cũng như nền kinh tế. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, Việt Nam hiện là một nước đang phát triển, do đó, luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Điều này đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Như các công ty hoạt động dưới hình thức CTCP khác, VLC chịu điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư, …. và các thông tư, nghị định liên quan đến lĩnh vực của mình. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Tổng Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động. VLC luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của VLC.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro cạnh tranh trong ngành

Chăn nuôi là một trong những lĩnh vực sản xuất truyền thống của Việt Nam, đặc thù sản xuất đơn giản, rào cản gia nhập ngành thấp, vì vậy, cạnh tranh trong lĩnh vực này khá gay gắt với nhiều doanh nghiệp lớn nhỏ trên thị trường. Sức ép cạnh tranh đến từ các đối thủ hiện hữu trên thị trường tiềm ẩn rủi ro đánh mất lợi thế cạnh tranh, khi mức độ tăng trưởng của ngành giảm và sự gia tăng cạnh tranh cả về số lượng lẫn mức độ cạnh tranh các đối thủ.

Rủi ro trong lĩnh vực hoạt động: dịch bệnh

Rủi ro về dịch bệnh là rủi ro ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động của Tổng Công ty. Trong giai đoạn vừa qua, ngành chăn nuôi phải đối mặt với nhiều dịch bệnh trên đàn lợn như dịch tả lợn Châu Phi… Vilico là Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi trâu, bò, lợn, khi có dịch sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất chăn nuôi của Tổng Công ty. Ngoài ra, những lo ngại về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm cũng dẫn đến sản lượng tiêu thụ các thực phẩm gia súc, gia cầm giảm theo. Rõ ràng, để hạn chế rủi ro về dịch bệnh, chăn nuôi trang trại công nghiệp là xu thế tất yếu của phát triển ngành chăn nuôi trong tương lai. Thực tế, mô hình chăn nuôi của Tổng Công ty là những trang trại chăn nuôi quy mô lớn, công tác phòng chống dịch bệnh được chú trọng nên cũng hạn chế được rủi ro từ dịch bệnh một cách đối đa.

Rủi ro sản phẩm không đạt chất lượng

Những mối nguy hại của sản phẩm làm cho sản phẩm không sử dụng được, hoặc gây hại cho người tiêu dùng, hoặc sản phẩm hư hỏng bị yêu cầu thu hồi nhằm tránh gây nguy hại cho người tiêu dùng. Để giảm thiểu các rủi ro này, VLC đã áp dụng các quy định và quy trình nghiêm ngặt để kiểm soát về chất lượng an toàn thực phẩm.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Với mục đích khẳng định và nâng cao vị thế trên thị trường, cũng như nâng cao năng lực tài chính, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty sẽ chào bán thêm cổ phiếu VLC cho các cổ đông hiện hữu, số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán sẽ được VLC sử dụng để tăng phần vốn góp của VLC tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật ("**JVL**"), một công ty liên doanh của VLC và Tập đoàn Sojitz của Nhật bản, qua đó JVL sẽ triển khai thực hiện Dự án bò thịt (bao gồm dự án "Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo", thực hiện tại Huyện Tam Đảo và Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 2216/QĐ-UBND ngày 12/08/2021 chấp thuận VLC làm chủ đầu tư ("**Dự Án Tam Đảo**"); và dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi, vỗ béo bò thịt để bổ trợ cho Dự án Tam Đảo (hiện JVL đang trong giai đoạn tìm kiếm địa điểm phù hợp để triển khai). Theo đó, đối với Dự án Tam Đảo, VLC sẽ làm chủ đầu tư để xây dựng dự án này cho đến khi hoàn thành việc xây dựng và đáp ứng đủ điều kiện chuyển nhượng dự án theo quy định của pháp luật hiện hành thì VLC sẽ chuyển nhượng dự án này cho JVL để JVL tiếp tục triển khai và vận hành Dự án Tam Đảo.

Rủi ro hủy đợt chào bán:

Rủi ro của đợt chào bán phụ thuộc vào tỷ lệ cổ đông hiện hữu đăng ký mua cổ phần so với tổng số lượng cổ phần dự kiến phát hành. Đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được Đại hội đồng cổ đông của Công Ty thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2022 (được điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 01/2023/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023). Đợt chào bán diễn ra trong thời điểm nền kinh tế và thị trường chứng khoán có nhiều biến động, do đó khó tránh khỏi những rủi ro liên quan đến thị trường chứng khoán. Trong trường hợp thị trường không thuận lợi và cổ phiếu không được chào bán hết như dự kiến, tùy thuộc vào tình hình thị trường tại thời điểm chào bán, HĐQT sẽ quyết định tiếp tục chào bán phần còn lại (bao gồm số cổ phần phát sinh do làm tròn, số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc do các nguyên nhân khác) cho các Nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo chào bán hết toàn bộ số cổ phần theo phương án chào bán được thông qua. Rủi ro hủy đợt chào bán trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, VLC không chào bán thành công tối thiểu 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và đợt chào bán bị hủy bỏ.

Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán:

JVL được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa VLC (chiếm 51%) và Tập đoàn Sojitz Nhật Bản (chiếm 49%). Thông qua đợt chào bán này, VLC sẽ có thêm nguồn tiền để góp vốn vào JVL, qua đó tăng quy mô hoạt động của JVL, đáp ứng các điều kiện để triển khai Dự Án Tam Đảo (là một dự án thành phần thuộc Dự Án Bò Thịt đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2022). Dự Án Tam Đảo là một trong những dự án nằm trong biên bản ghi nhớ được ký kết bởi Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Vinamilk"), Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("Vilico"), UBND tỉnh Vĩnh Phúc và Tập đoàn Sojitz Nhật Bản ("Sojitz") tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư Việt Nam - Nhật Bản dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ - Đồng chí Phạm Minh Chính nhân chuyến thăm chính thức Nhật Bản ngày 25/11/2021, nhằm mục đích liên doanh đầu tư cơ sở chăn nuôi – giết mổ - chế biến – phân phối thịt bò và các sản phẩm từ thịt bò tại Việt Nam, cung cấp cho thị trường toàn quốc và xuất khẩu (trong phạm vi của Bản cáo bạch này, tạm gọi là "**giai đoạn I**"); các giai đoạn tiếp theo sẽ có thêm các sản phẩm nguồn gốc đạm khác với công nghệ chế biến sâu và quy mô hợp tác dự kiến lên đến 500 triệu USD. Trong đó, các dự án thuộc giai đoạn I của biên bản ghi nhớ dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2023 có quy mô công suất là khoảng 30.000 bò thịt/năm, với cơ sở chế biến khép kín, công nghệ hiện đại, quy mô hợp tác giữa các nhà đầu tư xấp xỉ 3.000 tỷ đồng. Tổng mức đầu tư của Dự Án Tam Đảo thuộc giai đoạn I này là 1.670 tỷ đồng (theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2216/QĐ-UBND do Uỷ ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 12/08/2021). Trong giai đoạn đầu tư tiếp theo, JVL, VLC, Sojitz và Vinamilk đã ký kết Thỏa thuận khung về đầu tư vào ngày 05/09/2022 nhằm xác lập và điều chỉnh việc hợp tác giữa các bên liên quan đến Dự Án Bò Thịt, cũng như xây dựng lộ trình góp vốn vào JVL để triển khai thực hiện Dự Án Bò Thịt. Thông tin chi tiết về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán được trình bày chi tiết tại phần IX và X bản cáo bạch này.

Sojitz là một trong những tập đoàn đa ngành quy mô lớn và có tốc độ tăng trưởng nhanh của Nhật Bản, đã tham gia đầu tư vào Việt Nam trong nhiều năm qua trong các lĩnh vực sản xuất phân bón, sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất thực phẩm chế biến sẵn, chuỗi cửa hàng tiện lợi và dịch vụ hậu cần... Tại Nhật Bản, Sojitz hiện cũng là một trong các đơn vị nhập khẩu và phân phối thịt bò từ Bắc Mỹ và Úc quy mô lớn cùng với các hoạt động tiếp thị, kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi.

Về phía Việt Nam, VLC đã khảo sát, chuẩn bị kỹ cho việc triển khai dự án. Qua đó, Tổng công ty đã xác định và dự tính những yếu tố quan trọng cho việc triển khai dự án. Về đầu ra của sản phẩm, Tổng Công ty, thông qua JVL là công ty nhận chuyển nhượng Dự án Tam Đảo khi dự án đủ điều kiện chuyển nhượng, sẽ phân phối vào các chuỗi khách sạn đối với phần chế biến, vào các chuỗi siêu thị và hợp tác với các hộ kinh doanh nhỏ tại các chợ truyền thống. Tiến độ mở rộng dự án cũng sẽ thực hiện theo kết quả khảo sát và theo tiến độ kế hoạch dự kiến.

Trên cơ sở nền tảng vững mạnh của liên doanh JVL, ban lãnh đạo VLC đánh giá rủi ro của Dự Án Bò Thịt đã được hạn chế. Tuy nhiên, trong môi trường kinh doanh luôn tồn tại rủi ro dẫn đến việc kế hoạch kinh doanh không thể đạt được do những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Nhận thức được điều này, ban lãnh đạo VLC cũng như JVL đã có những đánh giá, phân tích kĩ lưỡng về thị trường khi xây dựng kế hoạch kinh doanh, cũng như xây dựng những kịch bản nhằm ứng phó với những tình huống bất lợi, đảm bảo phương án tăng vốn và sử dụng vốn, triển khai kinh doanh sau tăng vốn được thực hiện theo đúng kế hoạch đặt ra, giúp gia tăng giá trị cho doanh nghiệp và cổ đông, đạt được những mục tiêu đề ra.

5. Rủi ro pha loãng

a) Rủi ro pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần:

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) của Tổng Công ty sẽ giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành sẽ chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng.

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

- X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Giả định thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm là 6 tháng

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{172.346.173*12 + 43.086.543*6}{12} = 193.889.445 \text{ cổ phiếu}$$

Bảng 1: So sánh EPS năm 2023 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần

TT	Nội dung	Đơn vị	Không phát hành	Phát hành
Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất của VLC				
1	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đồng	245	245
2	Số CP lưu hành bình quân	Cổ phiếu	172.346.173	193.889.445
3	EPS	Đồng/Cổ phiếu	1.420	1.263

Nguồn: VLC

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận ngay trong năm 2023. Vì vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm tối đa 43.086.543 cổ phiếu từ đợt chào bán, EPS có thể bị pha loãng theo dự kiến như bảng tính trên.

Tuy nhiên việc EPS dự kiến năm 2023 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ có thể tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

b) Pha loãng giá thị trường cổ phiếu:

Giá tham chiếu cổ phần VLC sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện chào bán cổ phần thêm ra công chúng. Giá pha loãng khi có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

Giá tham chiếu (điều chỉnh):

$$\frac{P_{t-1} + I_R * P_R}{1 + I_R}$$

Trong đó:

P_{t-1} là đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày Giao dịch không hưởng quyền

I_R là tỷ lệ cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền

P_R là giá cổ phần sẽ chào bán cho người nắm quyền mua cổ phần trong đợt phát hành

Tham khảo:

Pt-1: Giả sử, giá cổ phiếu VLC trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 15.000 đồng/cổ phiếu

I_R: Tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền là 25%

P_R : Giá cổ phần sẽ chào bán cho người nắm quyền mua cổ phần trong đợt phát hành là 14.000 đồng/cổ

phiếu

Giá tham chiếu cổ phiếu VLC trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán thêm cổ phần để tăng vốn là:

$$\frac{15.000 + 25\% * 14.000}{1 + 25\%} = 14.800 \text{ đồng/cổ phần}$$

c) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp lãnh đạo. Để hạn chế rủi ro quản trị, VLC tuân thủ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ. Là một doanh nghiệp cổ phần hóa từ rất lâu và được sự hỗ trợ chuyên nghiệp từ cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, ban lãnh đạo Tổng Công ty đánh giá rủi ro quản trị Công ty là không lớn.

7. Rủi ro khác (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...)

Giá cổ phiếu của Tổng Công ty không thể tránh khỏi những biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường chứng khoán thế giới. Đặc biệt khi cổ phiếu VLC đã được đăng ký giao dịch trên UPCOM, các yếu tố trên càng trở nên khá nhạy cảm và ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng của những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

-	BKS	:	Ban Kiểm soát
-	BTGĐ	:	Ban Tổng Giám đốc
-	BCTC	:	Báo cáo tài chính
-	BCTHTTTC	:	Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước
-	CBCNV	:	Cán bộ, công nhân viên
-	CBTT	:	Công bố thông tin
-	CĐ	:	Cổ đông
-	CK	:	Chứng khoán
-	ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
-	ĐVT	:	Đơn vị tính
-	Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
-	GTN	:	Công ty Cổ phần GTNfoods
-	HĐ	:	Hợp đồng
-	HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
-	HNX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
-	MCM	:	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
-	SSI	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
-	Thuế TNDN	:	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
-	TTCK	:	Thị trường chứng khoán
-	UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
-	UPCOM	:	Thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa được niêm yết được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
-	VLC hoặc Tổng Công ty	:	Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP
-	VNM, Vinamilk	:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
-	VSD	:	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
-	JVL	:	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật

IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP BỊ SÁP NHẬP TRƯỚC THỜI ĐIỂM SÁP NHẬP

1. Thông tin chung về doanh nghiệp bị sáp nhập

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS
Tên viết tắt:	GTNFOODS
Tên tiếng Anh:	GTNFOODS JOINT STOCK COMPANY
Giấy CNĐKKD:	số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 05 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 25 tháng 02 năm 2020
Trụ sở chính:	92 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại	(84-24) 6276 6366
Fax	(84-24) 6276 6466
Website:	www.gtnfoods.com.vn
Vốn điều lệ:	2.500.000.000.000 đồng
Mã cổ phiếu:	GTN
Sàn niêm yết trước khi hủy niêm yết:	HOSE
Người đại diện pháp luật	Ông Trịnh Quốc Dũng – Tổng giám đốc
Logo	
Ngành nghề kinh doanh chính	Xây dựng nhà để ở
Thời điểm hủy niêm yết	Từ ngày 08/03/2022 theo quyết định số 89/QĐ-SGDHCM ngày 15/02/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, do tổ chức niêm yết chấm dứt sự tồn tại do tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản căn cứ điểm g Khoản 1 Điều 120 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của GTN

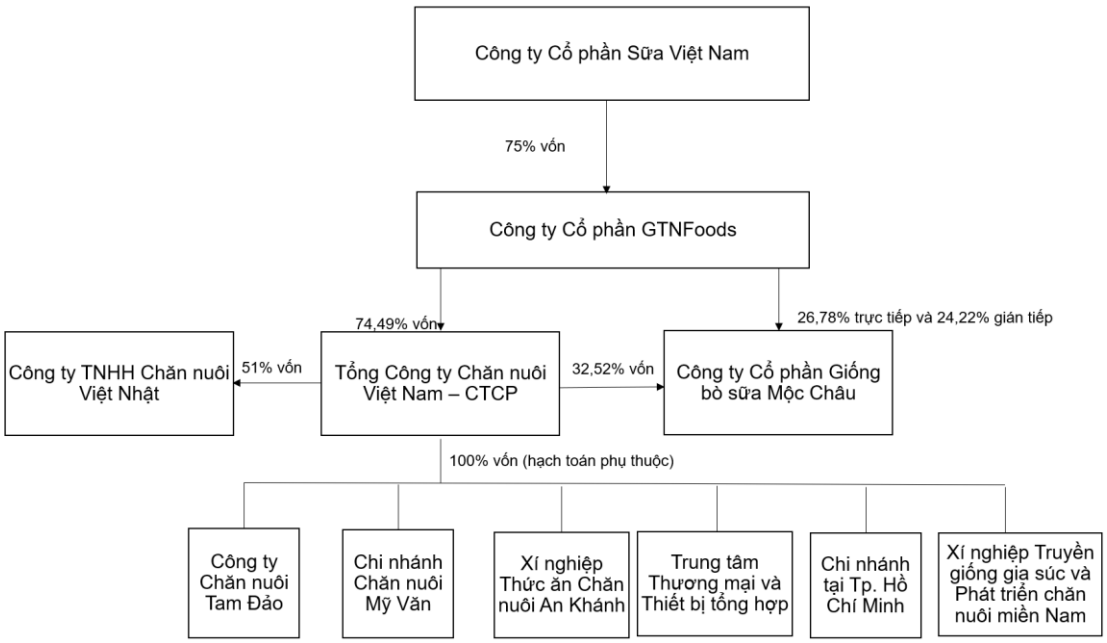
Ngày thành lập: Công ty Cổ phần GTNfoods được thành lập ngày 30/05/2011, với vốn điều lệ 80 tỷ đồng, chuyên hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực như sản xuất tre công nghiệp, xây dựng hạ tầng, khoáng sản, vật liệu xây dựng, nhựa, nông sản và thực phẩm.

- Tháng 07/2013, GTNfoods mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thực Phẩm Lâm Đồng (Ladofoods).
- Tháng 05/2014, Chính thức niêm yết trên HOSE với mã chứng khoán GTN. Cũng trong năm này, Công ty đã xác định lại chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và hàng tiêu dùng.
- Tháng 03/2015, GTNfoods nâng tỷ lệ sở hữu tại Ladofoods lên 35%.
- Tháng 12/2015, GTNfoods mua cổ phần của Vinatea với tỷ lệ sở hữu đạt 75%
- Quý I năm 2016, GTNfoods nâng tỷ lệ sở hữu tại Vinatea lên 95%.

- Ngày 26/1/2016, GTNfoods phát hành cổ phần riêng lẻ từ 752 tỷ lên 1500 tỷ với sự tham gia của các cổ đông chiến lược Invest Tây Đại Dương, TAEL.
- Ngày 18/11/2016, GTNfoods phát hành cổ phần riêng lẻ lần thứ hai trong vòng 1 năm từ 1500 tỷ lên 2500 tỷ với sự tham gia của các cổ đông hiện hữu là Invest Tây Đại Dương, TAEL và các cổ đông tổ chức mới là PENM, Hanil Feeds.
- Tháng 01/2017, GTNfoods sở hữu 65% Vilico qua đó hợp nhất Mộc Châu Milk.
- Tháng 06/2018, GTNfoods nâng tỷ lệ sở hữu tại Vilico lên 74,49%.
- Tháng 12/2019, GTNfoods trở thành công ty con của Vinamilk do Vinamilk sở hữu 75%.
- Tháng 8/2020, GTNfoods thông báo sẽ đăng ký mua 29.454.210 cổ phiếu của Công ty cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (Mộc Châu Milk) nhằm tăng tỷ lệ sở hữu tại đơn vị này.
- Tháng 2/2021, GTNfoods đã hoàn tất mua 29,4 triệu cổ phần của Mộc Châu Milk, qua đó nâng tỷ lệ sở hữu (trực tiếp và gián tiếp) của GTNfoods tại Mộc Châu Milk lên 51%.
- Tháng 2/2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông báo quyết định về việc hủy niêm yết đối với cổ phiếu GTN, theo đó, toàn bộ 250 triệu cổ phiếu GTN, tương ứng giá trị cổ phiếu tính theo mệnh giá là 2.500 tỷ đồng sẽ được hủy niêm yết kể từ ngày 8/3/2022. Lý do hủy niêm yết là do GTN hoán đổi để sáp nhập vào Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC) với tỷ lệ 1,6:1, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu GTN sẽ được hoán đổi lấy 62,5 cổ phiếu VLC.

3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu của GTN

Hình 3. Sơ đồ tổ chức và cơ cấu của GTN trước thời điểm bị sáp nhập

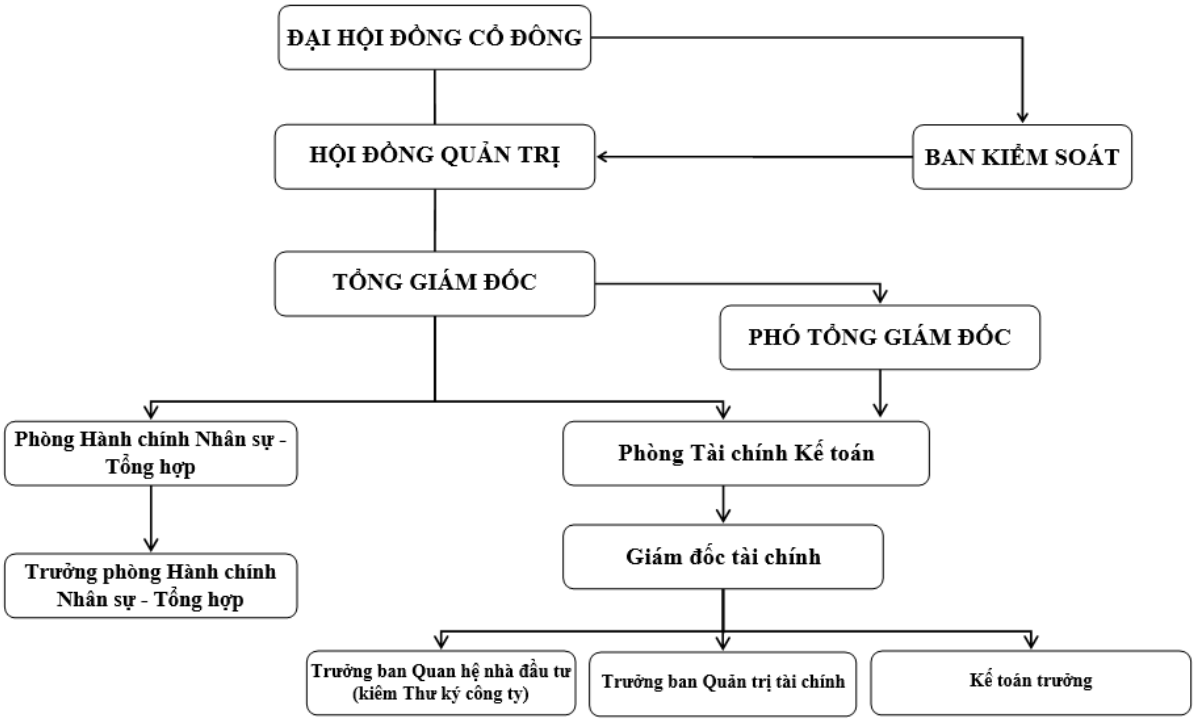


Nguồn: GTN

Công ty Cổ phần GTNfoods nằm trong nhóm các công ty thuộc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Thông tin về các công ty này được chi tiết tại mục 5 dưới đây.

4. Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của GTN

Hình 4. Sơ đồ tổ chức GTN



❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền chính sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;

❖ **Hội đồng quản trị**

HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty. Trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT có các quyền chính sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

❖ **Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.

❖ **Ban Tổng Giám đốc:**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm phối hợp cùng Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của GTN đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

❖ **Phòng Hành chính Nhân sự - Tổng hợp**

Phòng Hành chính nhân sự - Tổng hợp phụ trách 02 mảng chính gồm: mảng Hành chính và mảng Nhân sự. Chức năng của từng phòng như sau:

Đối với mảng Hành chính:

- Thực hiện công tác quản lý hành chính;
- Tham mưu và phụ trách công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của GTN, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nội quy, Quy chế của GTN;
- Quản lý và theo dõi các trang thiết bị, phương tiện văn phòng;

Đối với mảng Nhân sự:

- Đề xuất cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành của GTN;
- Xây dựng hệ thống các quy chế, quy trình, quy định cho GTN, tổ chức thực hiện các quy định đó;
- Lập kế hoạch tuyển dụng hàng năm, quý, tháng, theo yêu cầu của công ty và các bộ phận liên quan;
- Tổ chức tuyển dụng theo chương trình đã phê duyệt;
- Tổ chức theo dõi và ký hợp đồng lao động cho người lao động;
- Quản lý hồ sơ, lý lịch của nhân viên toàn công ty;

- Thực hiện công tác tuyển dụng, điều động nhân sự, theo dõi biến động nhân sự;
- Đánh giá, phân tích tình hình chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ nhân viên lập báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Ban Tổng giám đốc;
- Tổ chức triển khai và kiểm tra công tác đào tạo của Công ty đồng thời đánh giá chất lượng đào tạo nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng và hiệu quả trong công việc của cá nhân theo mục tiêu của công ty;

❖ **Phòng Tài chính Kế toán:**

Là cơ quan tham mưu cho TGĐ và HĐQT về công tác tài chính kế toán của công ty và trực tiếp thực hiện các hoạt động tài chính, kế toán bao gồm các công việc: Tài chính, kế toán tài vụ, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế, kiểm soát các chi phí hoạt động, quản lý vốn, tài sản, tổ chức, chỉ đạo công tác hạch toán kế toán trong toàn công ty.

Bên cạnh đó, bộ phận Kế toán – tài chính đồng thời cũng có chức năng tham mưu cho TGĐ và HĐQT về công tác quan hệ nhà đầu tư

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của công ty bị sáp nhập, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty bị sáp nhập, những công ty mà công ty bị sáp nhập nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của công ty bị sáp nhập

Thời điểm trước khi bị sáp nhập, công ty mẹ của GTN là **Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)**:

- Ngày thành lập: 20/08/1976
- Đăng ký kinh doanh: số 0300588569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 26/10/2020
- Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.
- Tỷ lệ nắm giữ của VNM: 75%

5.2. Công ty con của công ty bị sáp nhập

Thời điểm trước khi bị sáp nhập, GTN có hai (02) công ty con cụ thể như sau:

- **Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP (VLC)**

- Ngày thành lập: 21/06/1996
- Đăng ký kinh doanh: Số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29/10/2020).
- Hoạt động kinh doanh chính:
  + Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
  + Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
  + Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
  + Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
  + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
  + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Tỷ lệ sở hữu của GTN: 74,49%
- Tỷ lệ biểu quyết của GTN: 74,49%

- **Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (MCM)**

- Ngày thành lập: 29/12/2004
- Đăng ký kinh doanh: số 5500154060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn la cấp lần đầu ngày

29/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 24/03/2021

- Hoạt động kinh doanh chính: chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa bò
- Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của GTN: 26,78%
- Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của GTN thông qua VLC: 51,00%

5.3. Công ty liên kết của Công ty bị sáp nhập:

Thời điểm trước khi bị sáp nhập, GTN có ba (03) công ty liên kết cụ thể như sau:

- **Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng**
- Ngày thành lập: 05/01/2004
- Đăng ký kinh doanh: số 5800408245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 05/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 08/10/2020
- Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm
- Tỷ lệ sở hữu của GTN: 38,30%
- Tỷ lệ biểu quyết của GTN: 38,30%
- **Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung**
- Ngày thành lập: 26/06/2013
- Đăng ký kinh doanh: số 4000933719 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 26/06/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 16/07/2020
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ nhựa, sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
- Tỷ lệ sở hữu của GTN: 40,06%
- Tỷ lệ biểu quyết của GTN: 40,06%
- **Tổng Công ty chè Việt Nam - CTCP**
- Ngày thành lập: 02/07/2010
- Đăng ký kinh doanh: số 0100103915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 07/01/2021
- Hoạt động kinh doanh chính: Trồng, sản xuất, chế biến và kinh doanh chè
- Tỷ lệ sở hữu của GTN: 16,23%
- Tỷ lệ biểu quyết của GTN: 16,23%

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh (Sản phẩm, dịch vụ chính, giá trị sản phẩm, dịch vụ chính)

Trước thời điểm bị sáp nhập, GTN chủ yếu đóng vai trò là công ty quản lý các khoản đầu tư tại các công ty con và công ty liên kết. Trong đó, trọng tâm trong hoạt động đầu tư của GTN là khoản đầu tư vào công ty con VLC. Tương tự như GTN, VLC cũng chủ yếu đóng vai trò công ty quản lý vốn đầu tư, và là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (MCM) với ngành nghề chính là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa bò. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ do là sản phẩm tiêu dùng hàng ngày phục vụ đời sống.

Bảng 2: Cấu trúc doanh thu GTN

Diễn giải	ĐVT	2020		2021	
		Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
Sản xuất, kinh doanh sản phẩm liên quan đến sữa bò	Tỷ đồng	2.825,55	99,9%	2.927,79	99,9%
Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ khác	Tỷ đồng	2,84	0,1%	2,97	0,1%
Tổng doanh thu	**Tỷ đồng**	**2.828,39**	**100%**	**2.930,76**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2020, 2021 kiểm toán của GTN

Bảng 3: Cấu trúc lợi nhuận gộp GTN

Diễn giải	ĐVT	2020		2021	
		Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng
Sản xuất, kinh doanh sản phẩm liên quan đến sữa bò	Tỷ đồng	821,67	100%	836,37	100%
Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ khác	Tỷ đồng	-	0%	-	0%
Tổng lợi nhuận gộp	**Tỷ đồng**	**821,67**	**100%**	**836,37**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2020, 2021 kiểm toán của GTN

6.2. Thị trường hoạt động

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của GTN diễn ra hoàn toàn trên lãnh thổ Việt Nam.

6.3. Tài sản

Bảng 4: Tình hình tài sản của GTN tại 31/12/2021

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	**1.661**	**1.131**	**1.301.225**	**334.978**
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	359.522	100.213
Máy móc thiết bị	-	-	767.599	164.251
Thiết bị văn phòng	194	23	10.266	8.785
Phương tiện vận tải	1.467	1.108	79.649	12.399
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	-	-	77.605	49.152
Tài sản cố định khác	-	-	6.584	178
Tài sản cố định vô hình	**142**	**-**	**693.527**	**512.943**
Tài sản cố định vô hình	142	-	693.527	512.943

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất và Công ty mẹ năm 2021 của GTN

Bảng 5: Danh sách một số tài sản lớn của GTN tại 31/12/2021

Đơn vị: triệu VNĐ

Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Dây chuyền chế biến sữa + máy rót 1	27.973	-
Máy rót số 4 - TBA 200 S	13.340	-
Dây chuyền UHT	15.678	-
Máy rót A3 (số 1)	40.187	-
Máy rót sữa chua	20.245	-
Máy rót A3	42.881	-
Dây chuyền CB sữa UHT 12000l/h	39.363	-
Thiết bị dây chuyền TMR	15.925	-
Máy rót sữa chua (2 máy)	27.142	-
Máy rót sữa A3	47.501	7.512

Nguồn: GTN

6.4. Các hợp đồng lớn

Trong các năm 2020 và 2021 và đến thời điểm bị sáp nhập vào đầu năm 2022, hoạt động kinh doanh của GTN tập trung chủ yếu tại VLC và công ty con của VLC là MCM cũng như các công ty liên kết. GTN hầu như không trực tiếp đứng ra ký kết và thực hiện các hợp đồng với khách hàng và nhà cung cấp.

6.5. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Trong các năm 2020 và 2021 và đến thời điểm bị sáp nhập vào đầu năm 2022, hoạt động kinh doanh của GTN tập trung chủ yếu tại VLC và công ty con của VLC là MCM cũng như các công ty liên kết. GTN hầu như không trực tiếp đứng ra ký kết và thực hiện các hợp đồng với khách hàng và nhà cung cấp.

6.6. Vị thế của GTN trong ngành

Với mô hình kinh doanh của GTN, hoạt động kinh doanh chủ yếu của GTN tập trung tại Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu. MCM hoạt động kinh doanh chủ yếu ở khu vực phía Bắc. Vị thế của MCM còn hạn chế và thấp so với các thương hiệu lớn như Vinamilk, Frieslandcampina, Nutifoods. Đối với thị phần theo doanh thu, Trung tâm Phân tích của SSI ước tính Vinamilk hiện chiếm 54,2% thị phần, vượt xa các đối thủ khác như: Nutifood (12,1%), TH True Milk (9%), Mộc Châu (2,7%) và IDP (1,3%). Tại miền Bắc Việt Nam, ước tính MCM chiếm khoảng 18% thị phần.

6.7. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Biểu tượng logo của Công ty:

Logo của công ty đã được làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu với Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất trước thời điểm bị sáp nhập

Bảng 6: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	2.700.809	2.779.748	2,92%	4.185.278	4.653.726	11,19%
Doanh thu thuần	-	-	-	2.825.788	2.928.634	3,64%
Lợi nhuận (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	75.665	53.588	(29,18)%	264.291	253.067	(4,25)%
Lợi nhuận (Lỗ) khác	(39)	(70)	79,49%	(14.176)	(15.209)	7,29%
Lợi nhuận (Lỗ) trước thuế	75.625	53.518	(29,23)%	250.116	237.858	(4,90)%
Lợi nhuận (Lỗ) sau thuế	75.625	53.518	(29,23)%	246.720	213.797	(13,34)%
Tỷ lệ trả cổ tức	0%	0%		0%	0%	

Nguồn: BCTC kiểm toán của GTN năm 2020 và năm 2021 của GTN

Tổng tài sản theo báo cáo công ty mẹ năm 2020 tăng 2,33% lên 2.700.809 triệu đồng. Công ty mẹ trong năm 2020 không phát sinh doanh thu. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chủ yếu đến từ hoạt động tài chính gần 84,95 tỷ đồng, bao gồm 56,7 tỷ đồng (+365%) từ lãi tiền gửi và 28,2 tỷ đồng từ cổ tức (450%). Chi phí tài chính giảm mạnh do không còn lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư, đồng thời chi phí quản lý trong kỳ phát sinh 8,4 tỷ đồng giảm 33,9%. Do đo, năm 2020 công ty lãi sau thuế đạt 75.625 triệu đồng.

Năm 2021 tổng tài sản của công ty mẹ là 2.779.748 triệu đồng tăng 2,92% so với năm 2020. Công ty mẹ cũng không phát sinh doanh thu trong năm 2021, lợi nhuận chủ yếu đến từ hoạt động tài chính hơn 73 tỷ đồng, giảm 14,01% so với cùng kỳ năm 2020, bao gồm 15,38 tỷ đồng (-72,88%) từ lãi tiền gửi và 57,66 tỷ đồng từ cổ tức (104,46%). Chi phí tài chính tăng 1487,60% do trích lập dự phòng các khoản đầu tư, chi phí quản lý giảm 28,71%. Do đó, năm 2021 lãi sau thuế của công ty đạt 53.518 triệu đồng.

Năm 2020, GTN và các công ty con tiếp tục tiến hành tái cơ cấu thoái vốn nhiều khoản đầu tư không cốt lõi, thu hồi công nợ và tập trung vốn đầu tư cho lĩnh vực chính là sản xuất sữa. Tổng tài sản hợp nhất tính đến 31/12/2020 của GTN là 4.185.278 triệu đồng, tăng 3,99% so với năm 2019. Doanh thu thuần giảm 4,87% còn 2.825.788 triệu đồng, phần lớn doanh thu đến từ doanh thu của công ty con là Mộc Châu Milk. Mặc dù doanh thu giảm tuy nhiên nhờ vào việc tái cơ cấu chiến lược bán hàng, tối ưu chi phí giúp cho biên lợi nhuận gộp của GTN tăng mạnh. Theo đó lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 264.291 triệu đồng so với -2.598 triệu đồng cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế tăng từ 6.712 triệu đồng lên 246.720 triệu đồng gấp gần 36 lần.

Năm 2021 tổng tài sản hợp nhất của GTN là 4.653.726 triệu đồng, tăng 11,19% so với năm 2020. Doanh thu thuần tăng 3,64%, doanh thu chủ yếu đến từ công ty con là MCM. Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng do doanh thu tài chính giảm 7,30%, đồng thời chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 10,87% dẫn tới lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 253.067 triệu đồng giảm 4,25%, lợi nhuận sau thuế đạt 213.797 triệu đồng giảm 13,34% sơ với năm 2020.

- ❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Hợp nhất năm

2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, các báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2021 kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam đều nhận được ý kiến chấp thuận toàn phần từ đơn vị kiểm toán.

8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Trong hai năm gần nhất trước thời điểm bị sáp nhập:

Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính

	Công ty mẹ		Hợp nhất	
Các chỉ tiêu	**2020**	**2021**	**2020**	**2021**
1. Khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.238	332,80	10,69	9,49
- Hệ số thanh toán nhanh:	1.238	332,80	9,88	8,92
2. Cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,00	0,00	0,11	0,11
- Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0,00	0,00	0,13	0,12
3. Năng lực hoạt động				
- Vòng quay tổng tài sản:	-	-	0,69	0,66
- Vòng quay vốn lưu động:	-	-	1,11	0,98
- Vòng quay hàng tồn kho:	-	-	8,52	10,40
4. Khả năng sinh lời				
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):	N/A	N/A	8,73%	7,30%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	2,83%	1,95%	6,01%	4,84%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	2,83%	1,95%	6,79%	5,45%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	N/A	N/A	359	253

Nguồn: tính toán từ BCTC kiểm toán Hợp nhất và Công ty mẹ năm 2020 và 2021 của GTN

***Khả năng thanh toán*:**

Theo báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ hệ số thành toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của công ty rất cao cho thấy khả năng thanh toán tốt các nghĩa vụ ngắn hạn của công ty. Theo báo cáo hợp nhất hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty năm 2020 và 2021 lần lượt là 10,69 và 9,49 lần.

Cơ cấu vốn:

Hệ số nợ theo báo cáo tài chính công ty mẹ rất thấp do nợ phải trả của công ty tại cuối năm 2021 chỉ có 1.059 triệu đồng, trong khi tổng tài sản và vốn chủ sở hữu lần lượt là 2.779.748 triệu đồng và 2.778.688 triệu đồng. Phần lớn tài sản của công ty được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu.

Hệ số nợ trên tổng tài sản theo báo cáo tài chính hợp nhất trong năm 2021 là 0,11 lần, không tăng so với năm 2020. Phần lớn tài sản của công ty được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu.

Năng lực hoạt động:

Vòng quay tổng tài sản và vốn lưu động hợp nhất của công ty giảm nhẹ trong năm 2021 xuống lần lượt là 0,66 lần và 0,98 lần. Vòng quay tồn kho hợp nhất tăng từ 8,52 lần năm 2020 lên 10,40 lần năm 2021 nhờ vào công ty có chính sách thúc đẩy bán hàng, giảm thời gian lưu kho đối với nguyên liệu, thành phẩm.

Khả năng sinh lời:

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu hợp nhất của GTN giảm nhẹ từ 8,73% năm 2020 xuống 7,30% trong năm 2021, một phần do ảnh hưởng của dịch bệnh khiến nhu cầu tiêu dung giảm. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu hợp nhất cuối năm 2021 lần lượt là 4,84% và 5,45%

- ❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Các báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, các báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2021 kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam đều nhận được ý kiến chấp thuận toàn phần từ đơn vị kiểm toán.

9. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm của Công ty

Các báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, các báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2021 kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam đều nhận được ý kiến chấp thuận toàn phần từ đơn vị kiểm toán.

9.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2021

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lí, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần GTNfoods tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

9.2. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Công ty năm 2021

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lí, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần GTNfoods tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

9.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2020

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lí, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

9.4. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Công ty năm 2020

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lí, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực k toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên Công ty: TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
- Tên viết tắt: VILICO
- Tên tiếng Anh: VIETNAM LIVESTOCK CORPORATION JSC
- Giấy CNĐKKD: Số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/05/2023.
- Trụ sở chính: Số 519 Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: 0243 862 1688
- Fax: Không có
- Website: http://www.vilico.vn
- Vốn điều lệ: 1.723.461.730.000 đồng (Một nghìn bảy trăm hai mươi ba tỷ, bốn trăm sáu mươi mốt triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng)
- Mã cổ phiếu: VLC
- Sàn đăng ký giao dịch: UPCOM
- Người đại diện pháp luật: Ông Trịnh Phương Nam – Tổng Giám đốc
- Logo:
- Ngành nghề kinh doanh chính:
  + Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
  + Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
  + Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
  + Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
  + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
  + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

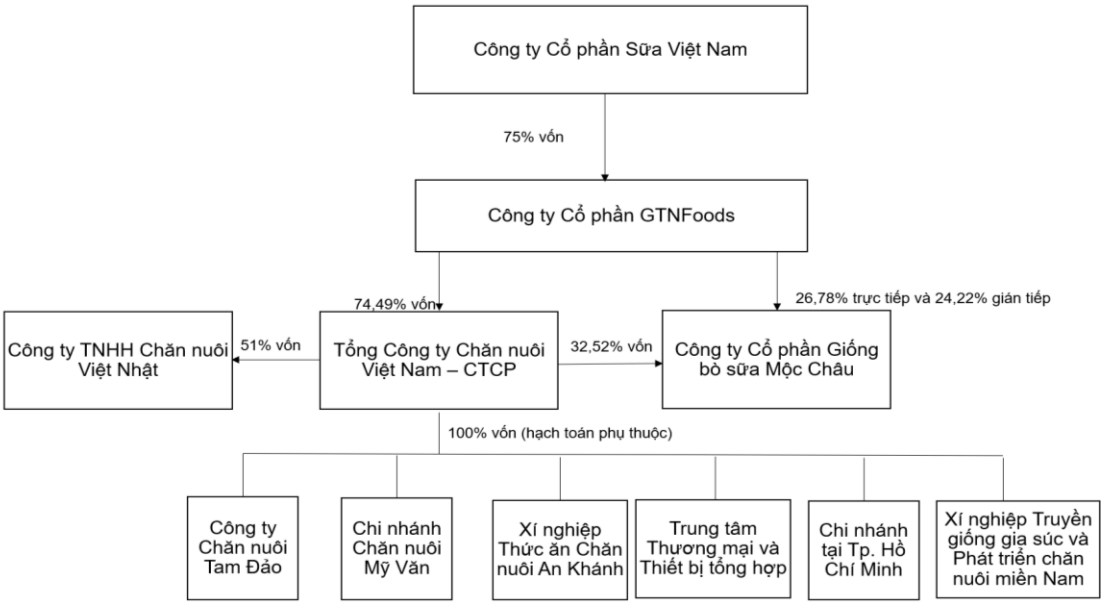
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn bao gồm các đơn vị thành viên có quan hệ gắn bó về kinh tế, công nghệ, thương mại, thông tin, khoa học – kỹ thuật, đào tạo, nghiên cứu,… hoạt động trong ngành chăn nuôi, nhằm thực hiện việc tích tụ, tập trung phân công chuyển môn hóa và hợp tác kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ nhà nước giao, năng cao khả năng kinh doanh và hiệu quả kinh tế của từng đơn vị thành viên và toàn Tổng Công ty, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

▪ Năm 1996	- Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
▪ Năm 2005	- Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2799/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 17/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

▪ Năm 2010	- Công ty mẹ - Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 1470/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 01/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
▪ Năm 2013	- Thực hiện Quyết định số 119/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 17/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tổng Công ty đã liên tục triển khai thực hiện ngay các nội dung công việc để cổ phần hóa Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên. - Ngày 26/6/2013 Tổng Công ty đã họp Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần. - Ngày 01/7/2013 Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần. - Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/7/2013, kế thừa các quyền, nghĩa vũ, trách nhiệm của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên theo các quy định của pháp luật.
▪ Năm 2015	- Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP triển khai thực hiện phương án thoái toàn bộ phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty. Đến tháng 6/2016 phương án thoái toàn bộ vốn nhà nước tại Tổng Công ty đã được thực hiện hoàn tất và trong cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty không còn cổ đông nhà nước.
▪ Năm 2017	- Từ tháng 01/2017 Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP chính thức trở thành công ty con của Công ty Cổ phần GTNfoods.
▪ Năm 2021	- Ngày 08/03/2021 HĐQT Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam quyết định góp vốn thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật là 46.000.000.000 đồng.
▪ Năm 2022	- Ngày 9/3/2022, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP phát hành 156.248.309 cổ phiếu mới để hoán đổi cổ phiếu CTCP GTNfoods theo hợp đồng sáp nhập giữa Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP với GTNfoods, đồng thời hủy 47.003.136 cổ phiếu do sáp nhập này. Vốn điều lệ của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP hiện nay là 1.723.461.730.000 đồng. Đồng thời, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP chính thức trở thành công ty con của Vinamilk, do Vinamilk sở hữu 68%. - Ngày 9/12/2022, HĐQT Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP thông qua phương án tăng vốn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật năm 2022. Theo đó Vốn điều lệ của JVL sau khi tăng vốn là 736.000.000.000 đồng.
▪ Năm 2023	- Ngày 08/03/2023, tại xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam (Vilico) Tập đoàn Sojitz, Nhật Bản tổ chức khởi công Tổ hợp chăn nuôi và chế biến thịt bò Vinabeef Tam Đảo

3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu của nhóm Công ty

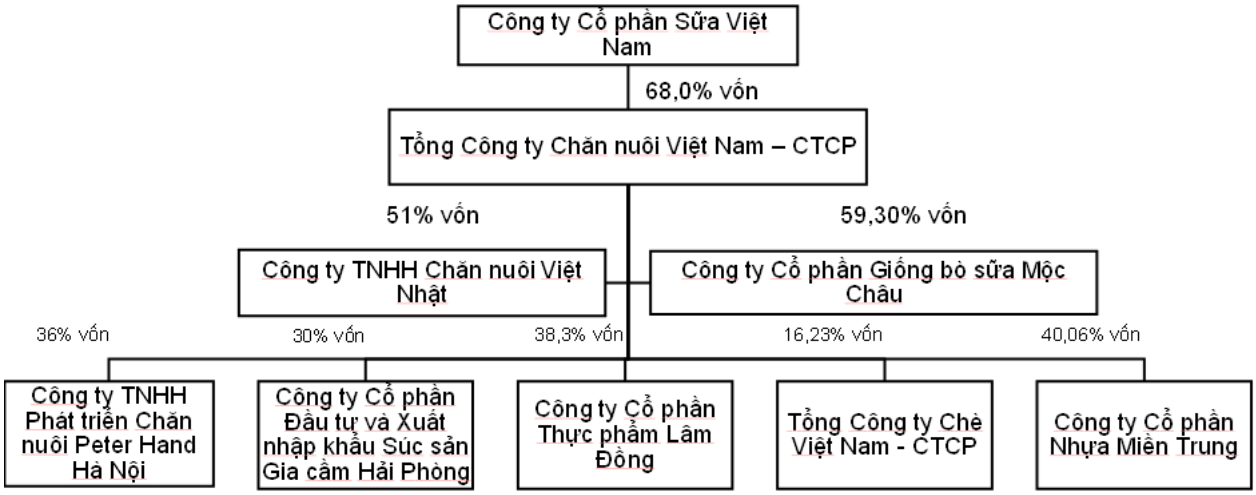
Hình 5. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu của nhóm Công ty trước thời điểm sáp nhập GTNFoods



Nguồn: VLC

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP nằm trong nhóm các công ty thuộc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. VLC có công ty mẹ là Công ty Cổ phần GTNFoods và công ty liên kết là Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu. Thông tin về các công ty này được trình bày chi tiết tại mục 5 dưới đây.

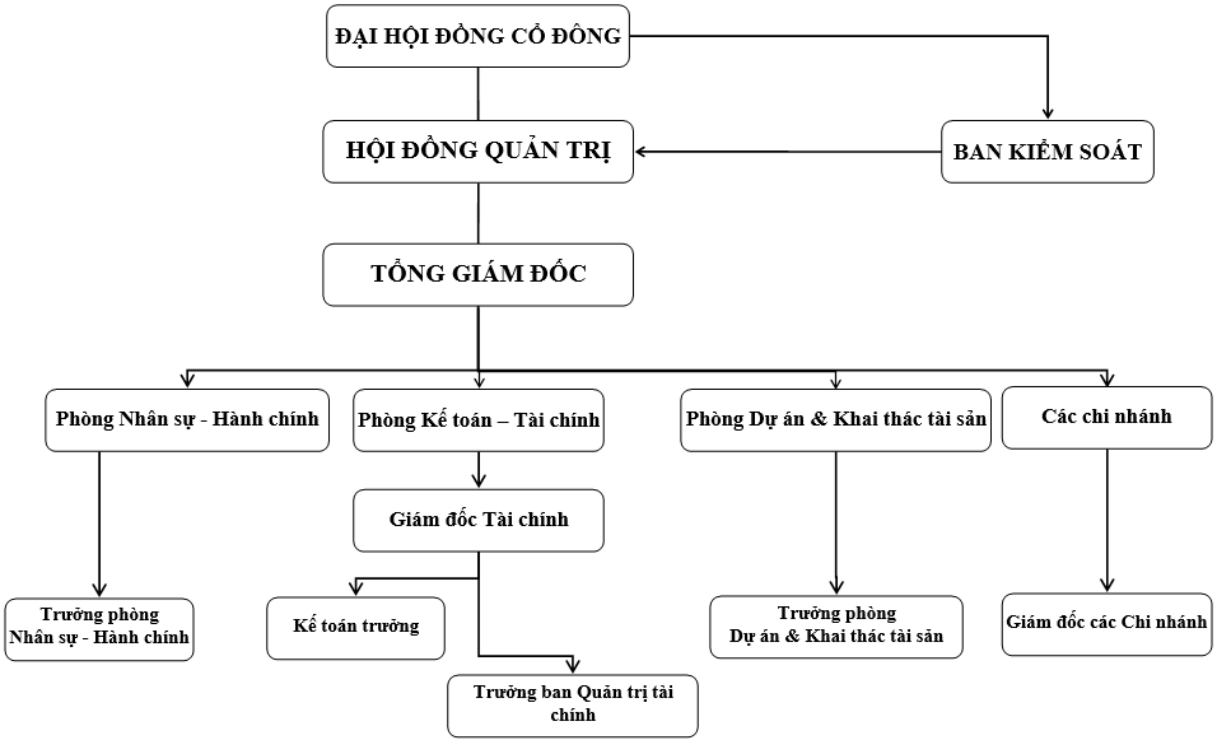
Hình 5: Cơ cấu tổ chức và cơ cấu của nhóm Công ty sau thời điểm sáp nhập GTNFoods



Nguồn: VLC

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VLC

Hình 6. Sơ đồ tổ chức VLC trước thời điểm nhận sáp nhập



Nguồn: VLC

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền chính sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;

❖ **Hội đồng quản trị**

HĐQT của Công ty gồm 03 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty. Trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT có các quyền chính sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

❖ **Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.

❖ **Tổng Giám đốc:**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm phối hợp cùng Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

❖ **Phòng Nhân sự - hành chính**

Phòng Nhân sự - hành chính phụ trách 02 mảng chính gồm: mảng Hành chính và mảng Nhân sự. Chức năng của từng phòng như sau:

Đối với mảng Hành chính:

- Thực hiện công tác quản lý hành chính;
- Tham mưu và phụ trách công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nội quy, Quy chế của Công ty;
- Quản lý và theo dõi các trang thiết bị, phương tiện văn phòng;

Đối với mảng Nhân sự:

- Đề xuất cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành của Công ty;
- Xây dựng hệ thống các quy chế, quy trình, quy định cho Công ty, tổ chức thực hiện các quy định đó;
- Lập kế hoạch tuyển dụng hàng năm, quý, tháng, theo yêu cầu của công ty và các bộ phận liên quan;
- Tổ chức tuyển dụng theo chương trình đã phê duyệt;
- Tổ chức theo dõi và ký hợp đồng lao động cho Người lao động;
- Quản lý hồ sơ, lý lịch của nhân viên toàn công ty;

- Thực hiện công tác tuyển dụng, điều động nhân sự, theo dõi biến động nhân sự;
- Đánh giá, phân tích tình hình chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ nhân viên lập báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Ban Tổng giám đốc;
- Tổ chức triển khai và kiểm tra công tác đào tạo của Công ty đồng thời đánh giá chất lượng đào tạo nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng và hiệu quả trong công việc của cá nhân theo mục tiêu của công ty;

❖ **Phòng Kế toán - Tài chính:**

Là cơ quan tham mưu cho TGĐ và HĐQT về công tác tài chính kế toán của công ty và trực tiếp thực hiện các hoạt động tài chính, kế toán bao gồm các công việc: Tài chính, kế toán tài vụ, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế, kiểm soát các chi phí hoạt động, quản lý vốn, tài sản của Công ty, tổ chức, chỉ đạo công tác hạch toán kế toán trong toàn Công ty.

❖ **Phòng Dự án và Khai thác tài sản**

Là cơ quan tham mưu giúp việc cho TGĐ trong công tác xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng tháng, hàng quý, hàng năm và công tác phát triển thị trường và quản lý các tài sản thuộc sở hữu của VLC. Là tổ chức tham mưu cho TGĐ và HĐQT để chuẩn bị triển khai các dự án đồng thời kiểm soát, theo dõi quá trình thanh quyết toán dự án.

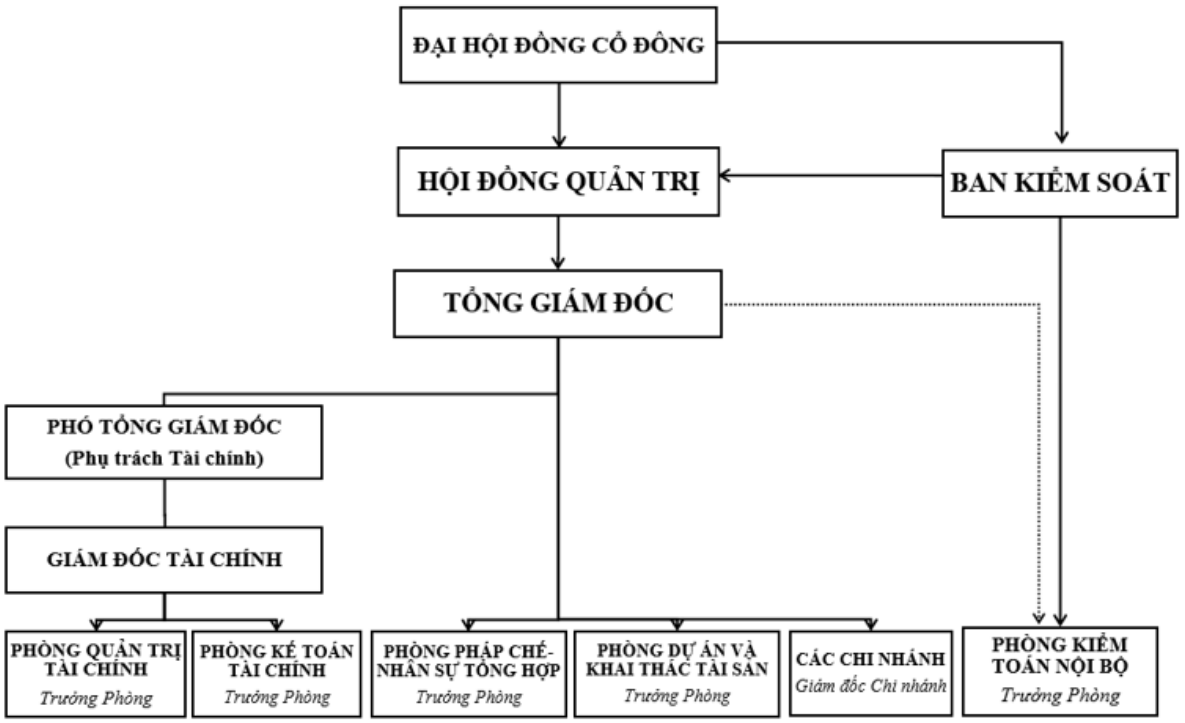
❖ **Các chi nhánh:**

VLC tổ chức các chi nhánh dưới hình thức công ty hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, xí nghiệp và các trung tâm để phục vụ hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

- Công ty Chăn nuôi Tam Đảo: có trụ sở tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Chi nhánh Chăn nuôi Mỹ Văn: có trụ sở tại xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
- Xí nghiệp Thức ăn Chăn nuôi An Khánh: có trụ sở tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.
- Trung tâm Thương mại và Thiết bị tổng hợp: có trụ sở tại số 6 Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Chi nhánh Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh: có trụ sở tại số 87 Nguyễn Du, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp Truyền giống gia súc và Phát triển chăn nuôi miền Nam: có trụ sở tại 42/18 Nguyễn Bỉnh Khiêm, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VLC sau thời điểm sáp nhập như sau:

Hình 7. Sơ đồ tổ chức VLC sau thời điểm sáp nhập



Nguồn: VLC

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền chính sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;

❖ **Hội đồng quản trị**

HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty. Trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT có các quyền chính sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;

- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

❖ **Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.

❖ **Tổng Giám đốc:**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm phối hợp cùng Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

❖ **Phòng Hành chính Nhân sự Tổng hợp**

Phòng Hành chính nhân sự Tổng hợp phụ trách 03 mảng chính gồm: mảng Hành chính, mảng Nhân sự và mảng Pháp chế. Chức năng phòng như sau:

Đối với mảng Hành chính:

- Thực hiện công tác quản lý hành chính;
- Tham mưu và phụ trách công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nội quy, Quy chế của Công ty;
- Quản lý và theo dõi các trang thiết bị, phương tiện văn phòng;

Đối với mảng Nhân sự:

- Đề xuất cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành của Công ty;
- Xây dựng hệ thống các quy chế, quy trình, quy định cho Công ty, tổ chức thực hiện các quy định đó;
- Lập kế hoạch tuyển dụng hàng năm, quý, tháng, theo yêu cầu của công ty và các bộ phận liên quan;
- Tổ chức tuyển dụng theo chương trình đã phê duyệt;

- Tổ chức theo dõi và ký hợp đồng lao động cho Người lao động;
- Quản lý hồ sơ, lý lịch của nhân viên toàn công ty;
- Thực hiện công tác tuyển dụng, điều động nhân sự, theo dõi biến động nhân sự;
- Đánh giá, phân tích tình hình chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ nhân viên lập báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Ban Tổng giám đốc;
- Tổ chức triển khai và kiểm tra công tác đào tạo của Công ty đồng thời đánh giá chất lượng đào tạo nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng và hiệu quả trong công việc của cá nhân theo mục tiêu của công ty;

Đối với mảng Pháp chế:

- Soạn thảo, rà soát và đề xuất ý kiến về pháp lý đối với các dự thảo hợp đồng, văn bản hành chính và pháp lý liên quan đến toàn bộ hoạt động của Công ty, công ty con và đơn vị trực thuộc.
- Xây dựng, cập nhật các quy trình, quy chế, biểu mẫu liên quan đến công tác pháp chế của toàn Công ty và các Công ty con, đơn vị trực thuộc.
- Hỗ trợ xây dựng, phối hợp thực hiện, rà soát hệ thống các quy trình, quy chế của toàn Công ty và các Công ty con, đơn vị trực thuộc.
- Phối hợp giám sát, kiểm soát các hoạt động của các Phòng ban trong công ty đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, quy trình, quy chế của công ty và các Công ty con, đơn vị trực thuộc.
- Tham gia hoạt động tố tụng để giải quyết những vụ việc pháp lý của Công ty hoặc có liên quan tới Công ty với tư cách người đại diện theo ủy quyền của Công ty để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho công ty.

❖ **Khối Tài chính:**

Là cơ quan tham mưu cho TGĐ và HĐQT về công tác tài chính kế toán của công ty và trực tiếp thực hiện các hoạt động tài chính, kế toán bao gồm các công việc: Tài chính, kế toán tài vụ, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế, kiểm soát các chi phí hoạt động, quản lý vốn, tài sản của Công ty, tổ chức, chỉ đạo công tác hạch toán kế toán trong toàn Công ty.

❖ **Phòng Dự án và khai thác tài sản**

Là cơ quan tham mưu giúp việc cho TGĐ trong công tác xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng tháng, hàng quý, hàng năm và công tác phát triển thị trường và quản lý các tài sản thuộc sở hữu của VLC. Là tổ chức tham mưu cho TGĐ và HĐQT để chuẩn bị triển khai các dự án đồng thời kiểm soát, theo dõi quá trình thanh quyết toán dự án.

❖ **Các chi nhánh:**

VLC tổ chức các chi nhánh dưới hình thức công ty hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, xí nghiệp và các trung tâm để phục vụ hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

- Công ty Chăn nuôi Tam Đảo: có trụ sở tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Chi nhánh Chăn nuôi Mỹ Văn: có trụ sở tại xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
- Xí nghiệp Thức ăn Chăn nuôi An Khánh: có trụ sở tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.
- Trung tâm Thương mại và Thiết bị tổng hợp: có trụ sở tại số 6 Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Chi nhánh Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh: có trụ sở tại số 87 Nguyễn Du, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp Truyền giống gia súc và Phát triển chăn nuôi miền Nam: có trụ sở tại 42/18 Nguyễn Bỉnh Khiêm, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành

nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành

Trước thời điểm nhận sáp nhập (năm 2021 tới tháng 3/2022), Công ty mẹ của VLC là Công ty Cổ phần GTNfoods:

- Ngày thành lập: 30/05/2011
- Đăng ký kinh doanh: số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 25/02/2020
- Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư tài chính, bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu, bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm phục vụ chăn nuôi; Chăn nuôi bò sữa và sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ sữa; Sản xuất và kinh doanh các loại chè, bán buôn vật liệu, thiết bị phục vụ sản xuất chè, kinh doanh vật tư, nguyên nhiên vật liệu, máy móc, phụ tùng, thiết bị máy chế biến chè và lắp đặt thiết bị tại các nhà máy chè.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của GTN tại VLC: 74,49%

Sau thời điểm nhận sáp nhập (tháng 3/2022 và tới thời điểm hiện tại), Công ty mẹ của VLC là Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM):

- Ngày thành lập: 20/08/1976
- Đăng ký kinh doanh: số 0300588569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 6/12/2022
- Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNM tại VLC: 68%.

5.2. Công ty con của tổ chức phát hành

Trước thời điểm nhận sáp nhập (năm 2021 tới tháng 3/2022), Công ty con của VLC bao gồm:

- **Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (MCM)**
  - Ngày thành lập: 29/12/2004
  - Đăng ký kinh doanh: số 5500154060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 29/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 24/03/2021
  - Hoạt động kinh doanh chính: chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa bò
  - Tỷ lệ sở hữu của VLC: 32,5%
  - Tỷ lệ biểu quyết của VLC: 59,3%. Công ty mẹ của VLC là Công ty Cổ phần GTNFoods đã ủy quyền cho VLC đại diện toàn bộ 26,78% quyền biểu quyết của GTN tại MCM. Theo đó VLC xác định MCM là công ty con của VLC.
- **Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (JVL)**
  - Ngày thành lập: 27/09/2021
  - Đăng ký kinh doanh: số 0109752537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/09/2021.
  - Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ bò.
  - Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của VLC: 51%. VLC hoàn thành việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật ngày 15/11/2021.

Sau thời điểm nhận sáp nhập (tháng 3/2022 và tới thời điểm hiện tại), Công ty con của VLC bao gồm:

- **Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (MCM)**
  - Ngày thành lập: 29/12/2004

- Đăng ký kinh doanh: số 5500154060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 29/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 24/03/2021.
- Hoạt động kinh doanh chính: chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa bò
- Tỷ lệ sở hữu của VLC: 59,3%
- Tỷ lệ biểu quyết của VLC: 59,3%.

- **Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (JVL)**
  - Ngày thành lập: 27/09/2021
  - Đăng ký kinh doanh: số 0109752537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/09/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 17/01/2023
  - Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn thực phẩm.
  - Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của VLC: 51%.

5.3. Công ty liên kết của tổ chức phát hành:

Trước thời điểm nhận sáp nhập (năm 2021 tới tháng 3/2022), các công ty liên kết của tổ chức phát hành là:

- **Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội**
  - Ngày thành lập: 27/02/2014
  - Đăng ký kinh doanh: số 0100149691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/02/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28/10/2015
  - Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi
  - Tỷ lệ sở hữu của VLC: 36,00%
  - Tỷ lệ biểu quyết của VLC: 36,00%
- **Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng**
  - Ngày thành lập: 26/12/2007
  - Đăng ký kinh doanh: số 0200102640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/05/2016
  - Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Dịch vụ hỗ trợ vận tải
  - Tỷ lệ sở hữu của VLC: 30,00%
  - Tỷ lệ biểu quyết của VLC: 30,00%

Sau thời điểm nhận sáp nhập (tháng 3/2022 và tới thời điểm hiện tại), các công ty liên kết của tổ chức phát hành là:

- **Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội**
  - Ngày thành lập: 27/02/2014
  - Đăng ký kinh doanh: số 0100149691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/02/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28/10/2015
  - Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi
  - Tỷ lệ sở hữu của VLC: 36,00%
  - Tỷ lệ biểu quyết của VLC: 36,00%
- **Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng**
  - Ngày thành lập: 26/12/2007
  - Đăng ký kinh doanh: số 0200102640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu

ngày 26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/05/2016

- Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Dịch vụ hỗ trợ vận tải
- Tỷ lệ sở hữu của VLC: 30,00%
- Tỷ lệ biểu quyết của VLC: 30,00%

- **Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng**
  - Ngày thành lập: 01/01/1990
  - Đăng ký kinh doanh: số 5800408245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 05/01/2004, đăng kí thay đổi lần 24 ngày 30/03/2022.
  - Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến rượu vang các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm
  - Tỷ lệ sở hữu của VLC: 38,30%
  - Tỷ lệ biểu quyết của VLC: 38,30%
- **Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP**
  - Ngày thành lập: 29/12/1995
  - Đăng ký kinh doanh: số 01001103915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/07/2010
  - Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh, sản xuất chè
  - Tỷ lệ sở hữu của VLC: 16,23%
  - Tỷ lệ biểu quyết của VLC: 16,23%
- **Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung**
  - Ngày thành lập: 26/06/2013
  - Đăng ký kinh doanh: số 4000933719 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 26/06/2013
  - Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất ống nhựa, và các sản phẩm từ plastic
  - Tỷ lệ sở hữu của VLC: 40,06%
  - Tỷ lệ biểu quyết của VLC: 40,06%

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo chỉ đạo của Chính Phủ trong năm 2013, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/07/2013 với số vốn điều lệ là 631.010.000.000 VNĐ. Vốn điều lệ của Công ty không thay đổi cho tới thời điểm thực hiện nhận sáp nhập GTNfoods.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập số 17/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 27 tháng 01 năm 2022, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP đã phát hành 156.248.309 cổ phiếu mới để hoán đổi cổ phiếu CTCP GTNfoods theo hợp đồng sáp nhập giữa Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam với GTNfoods, đồng thời hủy 47.003.136 cổ phiếu VLC do sáp nhập. Vốn điều lệ của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP hiện nay là 1.723.461.730.000 đồng và được ghi nhận trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2020 và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 10) là ngày 04/05/2023.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Từ năm 2021 đến nay, VLC không thực hiện bất cứ khoản góp vốn hoặc thoái vốn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực

hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm trước sáp nhập (ngày 05/11/2021)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	**Tổ chức**	**6**	**49.064.736**	**77,756%**
	Trong nước	5	49.061.736	77,751%
	Nước ngoài	1	3.000	0,005%
	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	0%
2	**Cá nhân**	**1.267**	**14.036.264**	**22,244%**
	Trong nước	1.259	14.025.464	22,227%
	Nước ngoài	8	10.800	0,017%
	TỔNG CỘNG	**1.273**	**63.101.000**	**100%**

Nguồn: VLC

Trước thời điểm sáp nhập, tổ chức phát hành có 1 cổ đông là tổ chức trong nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ là Công ty mẹ **- Công ty Cổ phần GTNfoods**:

- Ngày thành lập: 30/05/2011
- Đăng ký kinh doanh: số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 25/02/2020
- Số cổ phần VLC do GTN nắm giữ: 47.003.136 cổ phần.
- Tỷ lệ nắm giữ của GTN: 74,49%

Bảng 9: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm sau sáp nhập (ngày 10/03/2023)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	**Tổ chức**	**41**	**120.090.640**	**69,68%**
	Trong nước	28	120.029.016	69,64%
	Nước ngoài	13	61.624	0,04%
	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	0%
2	**Cá nhân**	**7.405**	**52.255.533**	**30,32%**
	Trong nước	7.334	52.012.030	30,18%
	Nước ngoài	71	243.503	0,14%
	TỔNG CỘNG	**7.446**	**172.346.173**	**100%**

Nguồn: VLC

Sau thời điểm sáp nhập, tổ chức phát hành có 1 cổ đông là tổ chức trong nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ là Công ty mẹ **- Công ty cổ phần Sữa Việt Nam**:

- Ngày thành lập: 20/08/1976
- Đăng ký kinh doanh: số 0300588569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 6/12/2022
- Số cổ phần VLC do VNM nắm giữ: 117.187.500 cổ phần.
- Tỷ lệ nắm giữ của VNM tại VLC: 68%

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Trước và sau thời điểm sáp nhập GTNFoods, VLC không có cổ phiếu ưu đãi

8.3. Các loại chứng khoán khác

Trước và sau thời điểm sáp nhập GTNFoods, VLC không có các loại chứng khoán khác

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Trước và sau thời điểm sáp nhập GTNFoods, thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VLC như sau:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 100%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: 100%
- Sau thời điểm sáp nhập, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành tại ngày 10/03/2023: 0,18%
- VLC đã nhận được Công văn số 1930/UBCK-PTTT do UBCKNN ban hành ngày 12/05/2021 về việc đã nhận được hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VLC ở mức 100% đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Trước thời điểm sáp nhập, VLC chủ yếu đóng vai trò là công ty quản lý các khoản đầu tư tại các Công ty con và công ty liên kết, trong đó trọng tâm là tại công ty con - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (MCM) với ngành nghề chính là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa bò. Hơn 90% doanh thu hợp nhất của Công ty đến từ các hoạt động này của MCM. Các sản phẩm của VLC là sản phẩm tiêu dùng hàng ngày cho cuộc sống, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ

Sau thời điểm sáp nhập, VLC giữ vai trò như trước thời điểm sáp nhập, đồng thời sẽ khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng đưa VLC trở thành đơn vị lớn trong lĩnh vực chăn nuôi, giết mổ và chế biến sản phẩm thịt tại Việt Nam (thông qua công ty con là Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật). Ngoài ra, VLC tập trung nguồn lực để hỗ trợ và phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chè thông qua liên kết với Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (Vinatea), và các sản phẩm rượu vang, nước giải khát, sản phẩm điều thông qua Ladofoods.

Các sản phẩm của VLC là sản phẩm tiêu dùng hàng ngày cho cuộc cống, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ.

Bảng 10: Cấu trúc doanh thu VLC trước và sau thời điểm sáp nhập

Diễn giải	ĐVT	2021 (trước sáp nhập)		2022 (sau sáp nhập)		Q1/2023	
		Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng

Sản xuất, kinh doanh sản phẩm liên quan đến sữa bò	Tỷ đồng	2.927,79	99,91%	3.060,26	97,41%	714,33	96,96%
Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ khác	Tỷ đồng	2,59	0,09%	81,46	2,59%	22,37	3,04%
Tổng doanh thu	**Tỷ đồng**	**2.930,38**	**100%**	**3.141,72**	**100%**	**736,70**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2021 và 2022 kiểm toán và BCTC Hợp nhất Quý I/2023 của VLC

Bảng 11: Cấu trúc lợi nhuận gộp VLC trước và sau thời điểm sáp nhập

Diễn giải	ĐVT	2021 (trước sáp nhập)		2022 (sau sáp nhập)		Q1/2023	
		Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng
Sản xuất, kinh doanh sản phẩm liên quan đến sữa bò	Tỷ đồng	898,5	99,9%	959,59	99,58%	222,34	99,19 %
Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ khác	Tỷ đồng	1,04	0,1%	4,01	0,42%	1,82	0,81%
Tổng Lợi nhuận gộp	**Tỷ đồng**	**899,54**	**100%**	**963,60**	**100%**	**224,16**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2021 và 2022 kiểm toán và BCTC Hợp nhất Quý I/2023 của VLC

10.2. Tài sản

Bảng 12: Tình hình tài sản trước thời điểm sáp nhập (tại 31/12/2021)

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	**151.945**	**18.208**	**1.000.947**	**158.754**
Nhà cửa, vật kiến trúc	122.349	14.810	292.389	56.987
Máy móc thiết bị	25.254	2.502	553.910	38.290
Thiết bị văn phòng	133	-	9.927	8.769
Phương tiện vận tải	4.209	896	65.508	9.366
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	-	-	74.385	45.129
Tài sản cố định khác	-	-	4.828	211
Tài sản cố định vô hình	**299**	**-**	**4.287**	**1.220**
Tài sản cố định vô hình	299	-	4.287	1.220

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 VLC

Bảng 13: Danh sách một số tài sản lớn của VLC trước thời điểm sáp nhập (tại 31/12/2021)

Đơn vị: triệu VNĐ

Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Dây chuyền chế biến sữa + máy rót 1	27.973	-
Máy rót số 4 - TBA 200 S	13.340	-
Dây chuyền UHT	15.678	-

Máy rót A3 (số 1)	40.187	-
Máy rót sữa chua	20.245	-
Máy rót A3	42.881	-
Dây chuyền cabin sữa UHT 12000l/h	39.363	-
Thiết bị dây chuyền TMR	15.925	-
Máy rót sữa chua (2 máy)	27.142	-
Máy rót sữa A3	47.501	7.512

Nguồn: VLC

Bảng 14: Tình hình tài sản của VLC sau thời điểm sáp nhập (tại 31/03/2023)

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	**52.469**	**7.992**	**1.237.973**	**355.305**
Nhà cửa, vật kiến trúc	45.412	6.203	246.466	68.173
Máy móc thiết bị	1.956	273	832.271	227.652
Thiết bị văn phòng	326	-	13.030	9.369
Phương tiện vận tải	4.775	1.517	77.118	8.645
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	-	-	59.489	38.626
Tài sản cố định khác	-	-	9.600	2.839
Tài sản cố định vô hình	**687**	**189**	**694.102**	**468.473**
Lợi thế quyền thuê đất	-	-	165.949	115.035
Lợi thế thương hiệu	-	-	325.192	223.570
Lợi thế vùng nguyên liệu	-	-	197.957	129.222
Phần mềm máy vi tính	687	189	5.004	646

Nguồn: BCTC quý I/2023 của VLC

Bảng 15: Danh sách một số tài sản lớn của VLC sau thời điểm sáp nhập (tại 31/03/2023)

Đơn vị: triệu VNĐ, Nguồn: VLC

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Nhà Làm Việc	6.975	-
2	Nhà làm việc 3 tầng	3.747	-
3	Kho số 5	3.729	1.389
4	Nhà điều hành Văn phòng công ty	2.989	515

7	Kho nguyên liệu 2 cái: 830m (1 cái 180m, 1 cái 650m)	1.930	952
8	Kho dự trữ nguyên liệu	1.675	-
9	Kho số 4	1.486	-
10	Kho số 2	1.390	-
11	Kho số 3	1.390	-
12	Xưởng sản xuất	1.390	-
13	Cải tạo mở rộng kho, xưởng sản xuất	1.378	827
14	Kho thức ăn gia súc	1.337	-
15	Xe ô tô con 05 chỗ màu đen Subaru – Biểm kiểm soát: 30G-477.70	1.271	861

10.3. Thị trường hoạt động

Trước và sau thời điểm sáp nhập, toàn bộ hoạt động kinh doanh của VLC diễn ra hoàn toàn trên lãnh thổ Việt Nam.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Trước thời điểm sáp nhập, kết quả kinh doanh năm 2020 cho thấy VLC đang thay đổi theo chiều hướng tích cực, công ty tăng trưởng và phát triển tốt so với cùng kỳ năm 2019, vượt kế hoạch lợi nhuận được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua, cụ thể:

Doanh thu thuần công ty mẹ đạt 3,5 tỷ đồng, giảm 91% so với năm 2019, hoàn thành 75% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 110 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2019, hoàn thành 155% kế hoạch (71 tỷ đồng).

Doanh thu thuần hợp nhất đạt 2.826 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2019, hoàn thành 97% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 308 tỷ đồng, tăng trưởng 78% so với năm 2019, hoàn thành 193% kế hoạch năm (160 tỷ đồng).

Kết quả kinh doanh năm 2021 tiếp tục đạt các ngưỡng tăng trưởng tích cực, với doanh thu thuần hợp nhất đạt 2.928 tỷ đồng, tăng 3,6% so với năm 2020 và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 323 tỷ đồng, tăng 5,1% so với năm 2020.

VLC đang trong quá trình tái cấu trúc mạnh, thoái vốn các khoản đầu tư không hiệu quả, không nằm trong chiến lược phát triển chung của Tập đoàn, tập trung khai thác mảng kinh doanh có tiềm năng tăng trưởng.

Sau thời điểm nhận sáp nhập GTNFoods, VLC nhận các khoản góp vốn vào công ty con, công ty liên kết của GTNFoods là Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu, Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng, Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP, Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung. Tính đến ngày 31/03/2023, Vilico hiện đang quản lý phần vốn đầu tư tại 07 doanh nghiệp: bao gồm 02 công ty con, 05 Công ty liên kết.

Nhìn chung, kết quả hoạt động của VLC năm 2022 chủ yếu được phản ánh qua công ty con chủ lực - CTCP Giống Bò Sữa Mộc Châu, doanh thu của MCM chiếm hơn 90% doanh thu hợp nhất. Lợi nhuận MCM 2022 so với cùng kỳ 2021 tăng trưởng tốt sau khi áp dụng các biện pháp tái cơ cấu hệ thống bán hàng, đánh giá và thay đổi chính sách nhà phân phối, giá bán sản phẩm cũng như tối ưu hóa chi phí bán hàng, chi phí quản lý.

10.5. Các hợp đồng lớn

Trước thời điểm sáp nhập, trong năm 2021, hoạt động kinh doanh của VLC tập trung chủ yếu tại MCM và các công ty liên kết. VLC hầu như không trực tiếp đứng ra ký kết và thực hiện các hợp đồng với khách hàng và nhà cung cấp.

Danh sách các hợp đồng lớn của VLC và MCM trong hai năm 2021 như sau:

Stt	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (tỷ VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Công ty CP nông nghiệp AGRO	Khô dầu, ngô hạt	146	1/1/2021	1/1/2021
2	Tetra Pak South East Asia Pte. Ltd.	Máy rót A3	84	22/02/2021	22/02/2021
3	Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam	Bao bì giấy sữa	225	01/1/2021	01/1/2021

Sau thời điểm sáp nhập, trong năm 2022, hoạt động kinh doanh của VLC tiếp tục tập trung chủ yếu tại MCM và các công ty liên kết. VLC hầu như không trực tiếp đứng ra ký kết và thực hiện các hợp đồng với khách hàng và nhà cung cấp.

Danh sách các hợp đồng lớn của VLC và MCM trong năm 2022 và Quý 1 năm 2023 như sau:

Stt	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (tỷ VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Công ty TNHH Vũ Xuân Binh	Sản phẩm sữa các loại	130,474	16/03/2020	2022
2	Công ty TNHH kinh doanh thương mại Thuận Hưng	Sản phẩm sữa các loại	103,549	16/03/2020	2022
3	Công ty TNHH Thực phẩm Tuấn Hà	Sản phẩm sữa các loại	98,325	16/03/2020	2022
4	Công ty TNHH Thương mại Tây Bắc	Sản phẩm sữa các loại	79,759	16/03/2020	2022
5	Công ty TNHH Tình Lũy	Sản phẩm sữa các loại	74,430	16/03/2020	2022
6	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Dương	Sản phẩm sữa các loại	68,746	16/03/2020	2022
7	Công ty TNHH Đầu tư Duy Nam	Sản phẩm sữa các loại	66,320	16/03/2020	2022
8	Công ty TNHH Một thành viên Tùng Lộc	Sản phẩm sữa các loại	61,402	16/03/2020	2022
9	CÔNG TY TNHH SONG VŨ	Sản phẩm sữa các loại	67,389	29/01/2021	2022
10	CÔNG TY TNHH TÂM HUẤN	Sản phẩm sữa các loại	64,542	17/04/2021	2022
11	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Sữa tươi nguyên liệu	406,297	3/1/2022	2022
12	Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	Cám, tinh bò, vật tư thú y	67,283	10/1/2022	2022
13	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	premix	15,7	19/10/2022	2022
14	Công ty TNHH Vũ Xuân Binh	Sản phẩm sữa các loại	31,285	16/03/2020	Q1.2023
15	Công ty TNHH kinh doanh thương mại Thuận Hưng	Sản phẩm sữa các loại	18,352	16/03/2020	Q1.2023

16	Công ty TNHH Thực phẩm Tuấn Hà	Sản phẩm sữa các loại	25,572	16/03/2020	Q1.2023
17	Công ty TNHH Thương mại Tây Bắc	Sản phẩm sữa các loại	16,766	16/03/2020	Q1.2023
18	Công ty TNHH Tình Lũy	Sản phẩm sữa các loại	20,408	16/03/2020	Q1.2023
19	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Dương	Sản phẩm sữa các loại	15,222	16/03/2020	Q1.2023
20	Công ty TNHH Đầu tư Duy Nam	Sản phẩm sữa các loại	15,729	16/03/2020	Q1.2023
21	Công ty TNHH Một thành viên Tùng Lộc	Sản phẩm sữa các loại	14,386	16/03/2020	Q1.2023
22	Công ty TNHH Song Vũ	Sản phẩm sữa các loại	15,299	29/01/2021	Q1.2023
23	Công ty TNHH Tâm Huấn	Sản phẩm sữa các loại	14,362	17/04/2021	Q1.2023
24	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Sữa tươi nguyên liệu	95,430	3/1/2022	Q1.2023

(*) là nhà máy sữa, đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Còn các đối tác nêu trên không có quan hệ gì với thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ, cổ đông lớn của VLC.

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Trước thời điểm sáp nhập, với mô hình kinh doanh của VLC, hoạt động kinh doanh chủ yếu diễn ra ở công ty con MCM. VLC không có khách hàng và nhà cung cấp lớn trực tiếp mà chủ yếu thông qua công ty con.

Danh sách khách hàng lớn của VLC và MCM trong năm 2021 như sau:

STT	Tên khách hàng	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (tỷ VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Công ty TNHH Thực Phẩm Tuấn Hà	Sữa	94,508	16/3/2020	16/3/2020
2	Công ty TNHH KDTM Thuận Hưng	Sữa	93,694	16/3/2020	16/3/2020
3	Công ty TNHH Vũ Xuân Binh	Sữa	93,345	16/3/2020	16/3/2020
4	Công ty TNHH TM&DV Hoàng Dương	Sữa	69,910	12/6/2020	12/6/2020
5	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (*)	Sữa tươi nguyên liệu	472,799	14/4/2020	14/4/2020
6	Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	Cỏ alfalfa	1,149	17.08.2021	2021

(*) là nhà máy sữa, đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Còn các khách hàng nêu trên không có quan hệ gì với thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ, cổ đông lớn của VLC.

Một số nhà cung cấp lớn của VLC và MCM gồm:

STT	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (tỷ VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Công ty CP nông nghiệp AGRO	Khô dầu, ngô hạt	146	1/1/2021	1/1/2021
2	Tetra Pak South East Asia Pte. Ltd.	Máy rót A3	84	22/02/2021	22/02/2021
3	Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam	Bao bì giấy sữa	225	01/1/2021	01/1/2021
4	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam _	Gia công sữa	12,487	17/6/2021	2021
5	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	premix	15,057	01/1/2021	01/1/2021
6	Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	Cám, tinh bò	19,145	29/5/2021	2021

Các nhà cung cấp này của Công ty không có mối quan hệ gì với các thành viên ban lãnh đạo (thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát) của Công ty.

Sau thời điểm sáp nhập, VLC giữ mô hình hoạt động kinh doanh như trước do đó hoạt động kinh doanh tiếp tục diễn ra chủ yếu ở công ty con MCM. VLC không có khách hàng và nhà cung cấp lớn trực tiếp mà chủ yếu thông qua công ty con.

Danh sách khách hàng lớn của VLC và MCM trong năm 2022 và Quý 1 năm 2023 như sau:

STT	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (tỷ VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Công ty TNHH Vũ Xuân Binh	Sản phẩm sữa các loại	130,474	16/03/2020	2022
2	Công ty TNHH kinh doanh thương mại Thuận Hưng	Sản phẩm sữa các loại	103,549	16/03/2020	2022
3	Công ty TNHH Thực phẩm Tuấn Hà	Sản phẩm sữa các loại	98,325	16/03/2020	2022
4	Công ty TNHH Thương mại Tây Bắc	Sản phẩm sữa các loại	79,759	16/03/2020	2022
5	Công ty TNHH Tình Lũy	Sản phẩm sữa các loại	74,430	16/03/2020	2022
6	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Dương	Sản phẩm sữa các loại	68,746	16/03/2020	2022
7	Công ty TNHH Đầu tư Duy Nam	Sản phẩm sữa các loại	66,320	16/03/2020	2022
8	Công ty TNHH Một thành viên Tùng Lộc	Sản phẩm sữa các loại	61,402	16/03/2020	2022
9	CÔNG TY TNHH SONG VŨ	Sản phẩm sữa các loại	67,389	29/01/2021	2022
10	CÔNG TY TNHH TÂM HUẤN	Sản phẩm sữa các loại	64,542	17/04/2021	2022
11	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Sữa tươi nguyên liệu	406,297	03/01/2022	2022
12	Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	Cỏ alfalfa	1,12	10/1/2022	2022
13	Công ty TNHH Vũ Xuân Binh	Sản phẩm sữa các loại	31,285	16/03/2020	2023
14	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Thuận Hưng	Sản phẩm sữa các loại	18,352	16/03/2020	2023
15	Công ty TNHH Thực phẩm Tuấn Hà	Sản phẩm sữa các loại	25,572	16/03/2020	2023
16	Công ty TNHH Thương mại Tây Bắc	Sản phẩm sữa các loại	16,766	16/03/2020	2023
17	Công ty TNHH Tình Lũy	Sản phẩm sữa các loại	20,408	16/03/2020	2023
18	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Dương	Sản phẩm sữa các loại	15,222	16/03/2020	2023
19	Công ty TNHH Đầu tư Duy Nam	Sản phẩm sữa các loại	15,729	16/03/2020	2023

20	Công ty TNHH Một thành viên Tùng Lộc	Sản phẩm sữa các loại	14,386	16/03/2020	2023
21	Công ty TNHH Song Vũ	Sản phẩm sữa các loại	15,299	29/01/2021	2023
22	Công ty TNHH Tâm Huấn	Sản phẩm sữa các loại	14,362	17/04/2021	2023
23	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Sữa tươi nguyên liệu	95,430	03/01/2022	2023
24	Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	Cỏ alfalfa	1,12	10/1/2022	2023

Một số nhà cung cấp lớn của VLC và MCM trong năm 2022 và Quý 1 năm 2023 như sau:

STT	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (tỷ VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam	Bao bì giấy sữa	196	01/01/2022	01/01/2022-31/12/2022
2	CÔNG TY CỔ PHẦN ABC VIỆT NAM	Khô đậu tương, DDGS, Khô cải ngọt	47	22/03/2022	22/03/2022-30/06/2022
3	Chi Nhánh Công ty Cổ phần S.I.M. VN Tại Bắc Ninh	Nguyên liệu chế biến	43	01/01/2022	01/01/2022-31/12/2022
4	CÔNG TY CP SX VÀ PHÂN PHỐI MAI NAM	Màng PE, hũ, chai	37	30/12/2021	01/01/2022-31/12/2022
5	Cty Cổ phần TM & DV cuộc sống Việt	Đường	36	22/12/2021	01/01/2022-31/12/2022
6	Công ty TNHH Bao bì Hương Sen,	Bao bì carton	29	30/12/2021	01/01/2022-31/12/2022
7	Công ty cổ phần Sơn Hà	Ngô hạt	22	07/07/2022	07/07/2022-20/08/2022
8	Công ty cổ phần Sơn Hà	Ngô hạt	22	22/08/2022	22/08/2022-30/09/2022
9	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Nông Sản Việt	Khô dầu cọ	20	22/03/2022	22/03/2022-30/06/2022
10	CÔNG TY CỔ PHẦN NGỌC DIỆP,	Bao bì carton	29	30/12/2022	01/01/2022-31/12/2022
11	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Gia công sữa	7,677	25/6/2022	01/06/2022-
12	Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	Cám, vật tư, tinh bò	67,283	1/7/2022	2022
13	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Premix	15,7	19/10/2022	2022
14	Công ty TNHH Maeda Việt Nam	Thiết kế, xây dựng	118,8	12/12/2022	2022
15	Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam	Bao bì giấy sữa	58,50	01/01/2023	01/01/2023-12/12/2023

16	CÔNG TY CỔ PHẦN ABC VIỆT NAM	Khô đậu tương, DDGS, Khô cải ngọt	33,12	28/12/2023	01/01/2023-31/03/2023
17	Chi Nhánh Công ty Cổ phần S.I.M. VN Tại Bắc Ninh	Nguyên liệu chế biến	9,98	01/01/2023	01/01/2023-31/12/2023
18	CÔNG TY CP SX VÀ PHÂN PHỐI MAI NAM	Màng PE, hũ, chai	7,37	30/12/2022	01/01/2023-31/12/2023
19	Công ty TNHH Thành Đạt Mộc Châu	Ngô hạt	10	23/12/2022	01/01/2023-31/03/2023
20	Công ty TNHH Bao bì Hương Sen,	Bao bì carton	7,45	03/01/2023	03/01/2023-31/12/2023
21	Công ty Cổ phần Sơn Hà	Ngô hạt, sắn khô	15,20	07/07/2022	01/01/2023-31/03/2023
22	Công ty Cổ phần Thành Thành Công-Biên Hòa	Đường	4	12/01/2023	01/01/2023-15/08/2023
23	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Nông Sản Việt	Khô dầu cọ	7,69	25/12/2022	01/01/2023-31/03/2023
24	Công ty Cổ Phần Ngọc Diệp	Bao bì carton	7,21	03/01/2023	03/01/2023-31/12/2023
25	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Gia công sữa	1,72	25/06/2022	25/06/2023-31/03/2023
26	Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	Cám, vật tư, tinh bò	22,52	01/01/2023	01/01/2023-31/03/2023
27	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Premix	3,93	03/01/2023	03/01/2023-31/03/2023
28	Công ty TNHH Maeda Việt Nam	Thiết kế, xây dựng	13,2	12/12/2022	03/01/2023-31/03/2023

Các nhà cung cấp này của Công ty không có mối quan hệ gì với các thành viên ban lãnh đạo (thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát) của Công ty.

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

Vị thế trong ngành

Trước thời điểm sáp nhập, với mô hình kinh doanh của VLC, hoạt động kinh doanh chủ yếu tập trung tại công ty con là Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu. MCM hoạt động kinh doanh chủ yếu ở khu vực phía Bắc. Vị thế của Công ty còn hạn chế và thấp so với các thương hiệu lớn như Vinamilk, Frieslandcampina, Nutifoods. Đối với thị phần theo doanh thu, Trung tâm Phân tích của SSI ước tính Vinamilk hiện chiếm 54,2% thị phần, vượt xa các đối thủ khác như: Nutifood (12,1%), TH True Milk (9%), Mộc Châu (2,7%) và IDP (1,3%). Tại miền Bắc Việt Nam, ước tính MCM chiếm khoảng 18% thị phần.

Sau thời điểm sáp nhập, VLC tiếp tục giữ mô hình kinh doanh và hoạt động kinh doanh chủ yếu vẫn ở MCM, do đó vị thế và thị phần trên thị trường không có thay đổi lớn so với thời điểm trước sáp nhập.

Triển vọng phát triển của ngành

Theo Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, sản lượng sữa tươi sản xuất trong nước dự kiến đạt 1 tỷ lít, đáp ứng 38% nhu cầu tới năm 2020 và 1,4 tỷ lít, đáp ứng 40% nhu cầu năm 2025.

Các chuyên gia trong ngành sữa nhận định, trong tương lai ngành sữa vẫn được coi là tiềm năng bởi mức tiêu thụ sữa trên đầu người tại Việt Nam vẫn còn thấp. Nhu cầu sử dụng sữa bình quân đầu người của Việt Nam chỉ đạt 26 lít/người/năm, trong khi Thái Lan là 35 lít/người/năm, Singapore là 45 lít/người/năm và các nước châu Âu từ 80 – 100 lít/người/năm. Theo Euromonitor, sản lượng tiêu thụ sữa và các sản phẩm từ sữa của Việt Nam đạt 1,76 triệu tấn (+8.6%) trong năm 2020. Việt Nam thuộc top các quốc gia có mức tiêu thụ sữa khá thấp, chỉ với 26-27 kg/người/năm (trung bình thế giới đạt khoảng 100 kg/người/năm và trung bình tại châu Á đạt 38 kg/người/năm).

Báo cáo Triển vọng ngành sữa năm 2021 của Trung tâm Phân tích Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI Research) khẳng định, triển vọng tăng trưởng năm 2021 ngành sữa ít nhạy cảm hơn với dịch COVID-19. Mặc dù sữa được coi là mặt hàng thiết yếu, nhưng xu hướng tiêu thụ có thể theo "mô hình chữ K". Theo đó, nhu cầu từ người tiêu dùng có thu nhập thấp vẫn có thể bị ảnh hưởng do dịch COVID-19 đã gây thiệt hại đến thu nhập của nhóm này, hoặc đối với những người tiêu dùng nhạy cảm về giá. Các công ty như Vinamilk và Vinasoys đã chứng kiến hiện tượng cơ cấu sản phẩm bán ra dịch chuyển về phía các sản phẩm giá rẻ. Ngược lại, sự phân hóa sẽ tiếp tục diễn ra do nhóm thu nhập trung bình và cao ít bị ảnh hưởng hơn và họ vẫn sẽ có xu hướng gia tăng tiêu thụ các sản phẩm cao cấp.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của VLC so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Ban lãnh đạo Công ty đánh giá định hướng phát triển của VLC là hoàn toàn phù hợp so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

10.8. Hoạt động Marketing

Trước và sau thời điểm sáp nhập, VLC chủ yếu tập trung vào hoạt động marketing hỗ trợ hoạt động kinh doanh của MCM và các Công ty liên kết, bao gồm hỗ trợ về phát triển chuỗi cửa hàng Mộc Châu Milk nhằm đẩy mạnh quảng bá thương hiện sản phẩm thông qua các phương tiện thông tin đại chúng cũng như quảng bá trực tiếp, làm công tác thị trường bao gồm duy trì các thị trường hiện hữu và phát triển thị trường mới. Cùng với đó, VLC cũng hỗ trợ MCM trong việc xây dựng và triển khai các chương trình khuyến mãi cho khách hàng nhằm nâng cao sức tiêu thụ sản phẩm.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Biểu tượng logo của Công ty:

Logo của công ty đã được làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu với Bộ Khoa học và Công nghệ.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trước và sau khi sáp nhập, VLC không có hoạt động sản xuất kinh doanh mà chủ yếu đầu tư vốn tại các công ty con và công ty liên doanh liên kết nên Tổng Công ty không thành lập chức năng nghiên cứu và phát triển. Chính sách nghiên cứu và phát triển của Tổng Công ty sẽ được thành lập trong thời gian tới phù hợp với nhu cầu và tình hình phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty theo từng thời điểm.

10.11. Chiến lược kinh doanh

STT	Chiến lược kinh doanh	Thời gian dự kiến thực hiện	Nguồn vốn dự kiến	Nguồn lực dự kiến
1	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sữa	2023 – 2025	2.083,4 tỷ đồng	Vốn tự có và vốn huy động từ vay và/hoặc phát hành thêm.
2	Góp vốn đầu tư vào Công ty Chăn nuôi Việt Nhất (dự án bò thịt)	2022 – 2023	1.407,6 tỷ đồng	Vốn tự có và vốn từ phát hành thêm.

Trước thời điểm sáp nhập, VLC theo đuổi chiến lược tập trung nguồn lực để phát triển các ngành sản xuất kinh doanh chủ lực của Tổng Công ty: Sản xuất và chế biến các sản phẩm sữa (thực hiện tại Công ty Cổ phần giống Bò sữa Mộc Châu - Công ty con của Tổng Công ty); Ngành giết mổ, chế biến sản phẩm từ gia súc, gia cầm (phát triển từng bước, phù hợp với quy mô, điều kiện thực tế của Tổng Công ty).

Tăng cường tích lũy vốn để tập trung đầu tư phát triển vào những lĩnh vực, ngành hàng có triển vọng và mang tầm chiến lược.

Công ty con và các công ty liên kết gắn kết với Tổng Công ty thông qua góp vốn đầu tư, công nghệ, thương hiệu, uy tín và thị trường để từng bước hình thành từng ngành sản xuất chính: Chăn nuôi lợn, chăn nuôi bò sữa, bò thịt; chăn nuôi gà; đồng thời có gắn với giết mổ, chế biến thịt, sữa và các sản phẩm chăn nuôi phục vụ tiêu dùng trong nước và tiến tới xuất khẩu.

Sử dụng hợp lý, khai thác tối đa, có hiệu quả các nguồn lực được giao; hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Khai thác tốt hơn, hiệu quả hơn các tiềm năng thế mạnh sẵn có, lợi thế của Tổng Công ty và các đơn vị về đất đai, vị trí địa lý, thương hiệu, sản phẩm.

Sau thời điểm sáp nhập, thì Tổng Công ty tiến hành triển khai các dự án lớn của Công ty gồm dự án bò thịt thông qua Công ty con là JVL và dự án nhà máy sữa Hưng Yên.

Đối với dự án bò thịt thì Tổng Công ty đã liên doanh với tập đoàn Sojitz của Nhật để thành lập Công ty TNHH Chăn Nuôi Việt Nhật để triển khai dự án bò thịt tại Tam Đảo. Giai đoạn đầu thì Tổng Công ty sẽ làm chủ đầu tư và sau khi dự án hoàn thành xây dựng và đủ điều kiện chuyển nhượng dự án theo qui định của pháp luật thì sẽ chuyển giao cho Công ty TNHH Chăn Nuôi Việt Nhật để vận hành và khai thác. Nguồn vốn đầu tư là từ vốn tự có của Tổng Công ty và một phần từ nguồn vốn phát hành cho cổ đông hiện hữu để huy động thêm phần vốn còn thiếu. Dự kiến đến cuối năm 2024 thì dự án có sản phẩm đưa ra thị trường.

Đối với dự án Nhà máy sữa Hưng Yên thì đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty thông qua dự án với tổng vốn đầu tư là 2.083,4 tỷ đồng tại Nghị quyết số 01/2022/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2022. Theo đó, thời gian triển khai dự án là từ năm 2022 đến năm 2025 và nguồn vốn thì Tổng Công ty dự kiến sẽ kết hợp từ tất cả các nguồn như vay vốn của các tổ chức tín dụng và huy động phát hành thêm cổ phần trong thời gian tới.

10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Trước thời điểm sắp nhập: Không có

Sau thời điểm sáp nhập: Không có

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng và cơ cấu

Bảng 16: Cơ cấu trình độ lao động trước thời điểm sáp nhập

Chỉ tiêu	Số lượng lao động tại 31/12/2021			
	Công ty mẹ	%	Hợp nhất	%
1. Trên đại học	5	26,32	11	1,31
2. Đại học	12	63,16	169	20,07
3. Cao đẳng, Trung cấp	1	5,26	270	32,07
4. Khác (Lao động phổ thông)	1	5,26	392	46,56
Tổng cộng	**19**	**100**	**842**	**100**

Nguồn: VLC

Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty là 15.800.000 đồng/người/tháng. So với các doanh nghiệp khác cùng ngành trên địa bàn, mức lương này ở mức trung bình khá. So với mức lương cơ bản quy định bởi Nhà nước, mức lương này được đánh giá tích cực đối với người lao động.

Bảng 17: Cơ cấu trình độ lao động sau thời điểm sáp nhập

Chỉ tiêu	Số lượng lao động tại 31/03/2023			
	Công ty mẹ	%	Hợp nhất	%
1. Trên đại học	9	32%	14	2%
2. Đại học	14	50%	195	23%
3. Cao đẳng, Trung cấp	1	4%	269	31%
4. Khác (Lao động phổ thông)	4	14%	385	45%
Tổng cộng	**28**	**100%**	**863**	**100%**

Nguồn: VLC

Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty Quý 1 năm 2023 là 19.400.000 đồng/người/tháng. So với các doanh nghiệp khác cùng ngành trên địa bàn, mức lương này ở mức trung bình khá. So với mức lương cơ bản quy định bởi Nhà nước, mức lương này được đánh giá tích cực đối với người lao động.

11.2. Chính sách đối với người lao động

Trước và sau thời điểm sáp nhập, VLC áp dụng các chính sách đối với người lao động như sau:

- Là doanh nghiệp hoạt động nhiều năm trong lĩnh vực nông nghiệp – chăn nuôi, với số lượng lao động làm việc đông, công ty luôn quan tâm tới đời sống và môi trường làm việc cho người lao động. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ và thực hiện nghiêm túc theo quy định Pháp luật các chế độ lao động về bảo hiểm, an toàn lao động và các chế độ đãi ngộ khác đảm bảo các quyền lợi của người lao động, từ đó, người lao động luôn an tâm gắn bó với Công ty.
- Chính sách đào tạo: Đối với người lao động mới sẽ được Công ty thực hiện đào tạo nghề. Đối với CBCNV, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Chính sách lương thưởng: Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành các quy chế trả lương, trả thưởng rất linh hoạt, đảm bảo sự công bằng và khích lệ trong công việc đối với người lao động. Nguyên tắc này khắc phục được tình trạng phân phối bình quân, giúp đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng

người, khuyến khích được người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tạo đà nâng cao hiệu suất làm việc. Thang bảng lương được xây dựng sắp xếp thành các bậc khác nhau, tiêu chí xếp hạng và mức lương của từng bậc được công khai để người lao động cùng theo dõi và phấn đấu.

Ngoài chế độ khen thưởng bằng tiền, Công ty còn thực hiện các chế độ quan tâm, chăm sóc tới người lao động bằng các hình thức khen thưởng khác như tham quan dã ngoại để vừa động viên người lao động, vừa tạo ra sự gắn bó của người lao động với Công ty.

Công ty chưa có chính sách phát hành cổ phiếu cho người lao động.

12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của VLC và theo quy định của pháp luật, cổ tức chi trả cho cổ đông trên vốn điều lệ sẽ được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Tỉ lệ cổ tức chi trả hằng năm được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên, cụ thể tỷ lệ dự kiến trả cổ tức năm 2023 được thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023 số 01/2023/VLC/NQ-ĐHĐCD ngày 27/04/2023 như sau:

Bảng 18: Chính sách cổ tức giai đoạn trước và sau sáp nhập từ 2021 - 2023

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/ vốn điều lệ
2021	6% bằng tiền
2022	6% bằng tiền
2023	6% bằng tiền

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong 02 năm gần nhất, VLC không thực hiện đợt chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ nào.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Trước thời điểm sáp nhập, Tổ chức phát hành cam kết chỉnh sửa dự thảo điều lệ công ty sau sáp nhập và đảm bảo điều lệ công ty sau sáp nhập tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Sau thời điểm sáp nhập, Tổng Công ty đã trình ĐHĐCĐ thông qua và đã ban hành Điều lệ Công ty sau sáp nhập đúng với quy định pháp luật.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng:

Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ chức phát hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 19: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Công ty mẹ				Hợp nhất			
	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm	Quý 1/2023	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm	Quý 1/2023
Tổng tài sản	985.642	2.563.531	160,1%	2.580.110	3.199.554	4.898.377	53,1%	4.987.141
Doanh thu thuần	3.588	3.632	1,2%	885	2.928.251	3.140.295	7,2%	736.343
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	97.176	196.679	102,4%	7.740	371.368	287.681	-22,5%	96.658
Lợi nhuận (lỗ) khác	(2.803)	1.087	138,78%	(679)	(11.599)	(30.270)	-161,0%	(4.226)
Lợi nhuận trước thuế	94.373	197.767	109,6%	7.061	359.769	257.410	-28,5%	92.432
Lợi nhuận sau thuế	92.654	197.740	113,4%	7.061	323.404	237.542	-26,6%	85.218
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	40,86%	52,26%	N/A	N/A	69,09%	90,61%	N/A	N/A
Tỷ lệ cổ tức (theo mệnh giá)	6%	6%	N/A	N/A	6%	6%	N/A	N/A

Nguồn: BCTC kiểm toán của VLC năm 2021 và 2022; BCTC quý I/2023 của VLC.

Tổng tài sản hợp nhất năm 2021 tăng 72,65% lên 3.199 tỷ đồng, chủ yếu trong năm 2021 công ty thu tiền từ việc phát hành tăng vốn điều lệ ở công ty con Mộc Châu Milk từ 1.130 tỷ đồng lên 2.224 tỷ đồng. Đồng thời các khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 162 tỷ lên 288 tỷ cuối năm 2021. Tổng tài sản công ty mẹ tăng 6% lên 986 tỷ đồng trong năm 2021.

Doanh thu thuần hợp nhất tăng 3,63% chủ yếu do doanh thu từ công ty con Mộc Châu Milk tăng trưởng so với cùng kỳ. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 10,89% lên 371,4 tỷ đồng do chủ yếu đến từ lãi tiền gửi. Lợi nhuận sau thuế đạt 323,4 tỷ đồng tăng 5,11%.

Doanh thu thuần công ty mẹ trong năm 2021 tăng 2,43% lên 3,6 tỷ. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 17,4% do trích lập dự phòng đầu tư tài chính. Chi phí quản lý tăng từ 9,5 tỷ lên 14,6 do phát sinh chi phí chuẩn bị triển khai các dự án. Do đó, kết thúc năm 2021, lợi nhuận sau thuế VLC đạt 92,6 tỷ đồng giảm 15,66%.

Năm 2022, doanh thu thuần hợp nhất đạt 3.140 tỷ đồng, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 287,7 tỷ, lợi nhuận sau thuế đạt 237,5 tỷ. Đối với công ty mẹ doanh thu thuần đạt 3,6 tỷ, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 196,7 tỷ chủ yếu là do nhận cổ tức từ công ty con, lợi nhuận sau thuế đạt 197,7 tỷ đồng.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

Trong năm 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid 19, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn về nguồn nguyên liệu sản xuất kinh doanh, thị trường tiêu thụ giảm sút do nhu cầu người dân giảm ảnh hưởng từ việc giãn cách xã hội. Một số doanh nghiệp có nhân viên bị nhiễm Covid 19 phải tạm dừng hoạt động để phòng dịch bệnh hoặc phải giãn cách cán bộ nhân viên dẫn đến giảm sản lượng. Bên cạnh đó, dịch Covid 19 còn khiến các doanh nghiệp tăng chi phí sản xuất như chi phí phun khử trùng, chi phí khẩu trang, bảo hộ y tế, chi phí xét nghiệm… Do đó, năm 2021, hoạt động kinh doanh của VLC cũng chịu ảnh hưởng chung của dịch Covid 19. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh vẫn khả quan nhờ vào kết quả kinh doanh của công ty con MCM và tái cấu trúc lại các khoản đầu tư.

Kể từ thời điểm VLC là công ty thành viên của Vinamilk, các hoạt động của VLC được hỗ trợ và điều hành bởi các nhân sự chủ chốt của công ty mẹ.

Tính đến ngày 31/12/2021, Vilico hiện đang quản lý phần vốn đầu tư tại 10 doanh nghiệp: bao gồm 02 Công ty con, 05 Công ty liên kết và 03 doanh nghiệp có vốn đầu tư dài hạn khác. Tổng giá trị phần vốn của Vilico đang đầu tư tại các doanh nghiệp (tính theo mệnh giá cổ phần) là hơn 1.436,8 tỷ đồng. Trong đó, giá trị đầu tư cao nhất tại Công ty con - Công ty CP Giống Bò sữa Mộc Châu (hơn 1.144,75 tỷ đồng), chiếm 79,67 % tổng nguồn vốn đầu tư của Vilico tại các doanh nghiệp

Trong năm 2021, dưới sự điều hành của công ty mẹ, VLC và các công ty con cũng đã tập trung tiến hành tái cơ cấu hệ thống kinh doanh, các kênh phân phối sản phẩm, tối ưu hóa các chương trình bán hàng, tiết giảm chi phí hoạt động, ưu tiên phát triển các vùng nguyên liệu, đảm bảo nguồn cung nguyên liệu cho hoạt động kinh doanh.

Năm 2021 tổng tài sản của công ty mẹ là 985.642 triệu đồng tăng 6,00% so với năm 2020. Doanh thu trong năm 2021 tăng 2.72% so với 2020, lợi nhuận chủ yếu đến từ hoạt động tài chính gần 117 tỷ đồng, giảm 17,40% so với cùng kỳ năm 2020, do trích lập dự phòng các khoản đầu tư, chi phí quản lý tăng so với 2020 54,6%. Do đó, năm 2021 lãi sau thuế của công ty đạt 92.654 triệu đồng giảm hơn 15,66%.

Năm 2022, tổng tài sản hợp nhất là 4.898 tỷ đồng. Tổng tài sản công ty mẹ là 2.564 tỷ đồng. Doanh thu công ty mẹ đạt 3,6 tỷ đồng, không biến động lớn so với cùng kỳ năm 2021 và lợi nhuận chủ yếu vẫn đến từ hoạt động tài chính 196,7 tỷ đồng. Doanh thu hợp nhất đạt 3.140 tỷ đồng, tăng hơn 7,2% so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận thuần đạt 237 tỷ, một phần nhờ thị trường tiêu thụ sản phẩm cải thiện tốt hơn so với thời điểm dịch bệnh Covid-19 ở năm 2021.

Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không có

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

VLC không vay nợ, toàn bộ vốn chủ sở hữu được sử dụng cho các hoạt động kinh doanh, chủ yếu là đầu tư vốn ở các công ty con và công ty liên kết cũng như đầu tư tài chính (tiền gửi).

Bảng 20: Báo cáo về vốn

Đơn vị: triệu VNĐ

Vốn kinh doanh	Năm 2021		2022		Quý 1/2023	
	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Vốn điều lệ	631.010	631.010	1.723.462	1.723.462	1.723.462	1.723.462
Vốn chủ sở hữu	937.976	2.834.540	2.374.354	4.456.893	2.381.242	4.531.609

Nguồn: BCTC kiểm toán của VLC năm 2021 và 2022; BCTC quý I/2023 của VLC

Trích khấu hao tài sản cố định:

Ngoài một số máy móc thiết bị của công ty con được khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần, các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và công ty con được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Các loại tài sản	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5-33
Máy móc và thiết bị	5-30
Phương tiện vận tải	5-10
Thiết bị văn phòng	3-8
Tài sản khác	3-8
Súc vật làm việc, cho sản phẩm	4-8

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Mức lương bình quân

Bảng 21: Mức lương bình quân (tính trên Công ty mẹ)

Đơn vị: Đồng

Năm	Thu nhập bình quân (Đồng/tháng)
2021	15.800.000
2022	17.800.000
Quý I/2023	19.400.000

Lương trung bình của người lao động tại VLC cũng ghi nhận sự tăng trưởng ổn định, từ 15.800.000 đồng/tháng năm 2021 lên 17.800.000 đồng/tháng năm 2022, tăng trưởng 12,66%. Thu nhập bình quân Quí I năm 2023 là 19.400.000 đồng/tháng, tăng 8,99% so với bình quân cả năm 2022. Mức thu nhập

bình quân của VLC nhìn chung tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng địa bàn nói chung và đặc biệt so với các doanh nghiệp cùng ngành nói riêng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam năm 2021 và 2022 lần lượt là 4,205 triệu đồng/người/tháng và 4,6 triệu đồng/ người/ tháng.

Tình hình công nợ

Tại thời điểm 31/03/2023, tổng các khoản phải thu ngắn hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất là **431 tỷ đồng** và tổng các khoản phải trả ngắn hạn là **320,75 tỷ đồng.** Đối với các khoản dài hạn, tổng các khoản phải thu dài hạn là **0,3 tỷ đồng** và tổng các khoản phải trả dài hạn là **134,78 tỷ đồng** theo báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo báo cáo tài chính riêng, VLC không có tổng các khoản phải thu và trả dài hạn. Còn đối với các khoản ngắn hạn, tổng các khoản phải thu ngắn hạn là **158,5 tỷ đồng** và tổng các khoản phải trả ngắn hạn là **198,9 tỷ đồng**.

Các khoản phải thu:

Bảng 22: Tình hình các khoản phải thu

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Các khoản phải thu ngắn hạn	**15.088**	**157.654**	**158.458**	**287.622**	**455.008**	**431.283**
Phải thu khách hàng	2.347	2.253	2.519	180.277	193.164	208.657
Trả trước người bán	415	126.257	139.968	16.033	158.995	168.581
Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-
Phải thu về XDCB	-	-	-	-	-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Phải thu khác	12.565	33.104	19.931	91.551	106.810	58.005
Dự phòng nợ khó đòi	(239)	(3.960)	(3.960)	(239)	(3.960)	(3.960)
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu dài hạn	**-**	**-**	**-**	**165**	**288**	**288**
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	165	288	288
Tổng	**15.088**	**157.654**	**158.458**	**287.787**	**455.297**	**431.571**

Nguồn: BCTC kiểm toán của VLC năm 2021 và 2022; BCTC Quý I/2023 của VLC

Hoạt động kinh doanh của VLC tại công ty mẹ hầu như không có phải thu khách hàng. Các khoản phải thu lớn chủ yếu là phải thu khác, gồm phải thu cổ tức của công ty có vốn góp của VLC và phải thu lãi tiền gửi. Công ty không có phải thu khó đòi ngoại trừ những khoản đã trích dự phòng.

Ở góc độ hợp nhất, các khoản phải thu khách hàng của VLC chủ yếu là hợp nhất các khoản phải thu của MCM. Trong năm 2022 và quý I/2023, phải thu khách hàng của MCM có xu hướng tăng so với năm 2021. Nguyên nhân là trong năm 2022 và quý I/2023, MCM áp dụng hình thức bảo lãnh thanh toán để quản lý số dư phải thu các khách hàng. Theo đó, các khách hàng được nợ tiền hàng với tổng số dư nợ lũy kế dưới giá trị bảo lãnh mà khách hàng đó mở tại các ngân hàng thương mại. Như vậy, đa phần các khoản phải thu khách hàng của VLC (thuộc MCM) đều đã có bảo lãnh ngân hàng, khả năng thu hồi được đảm bảo.

Các khoản phải thu quá hạn:

Đơn vị	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
Công ty TNHH Liên doanh DMC – VTS	3.721	>3 năm	Dừng hoạt động	Khó có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng 100%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239	>3 năm	Kinh doanh thua lỗ	Khó có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng 100%

Nguồn: BCTC Quý I/2023 của VLC

Các khoản phải trả:

Bảng 23: Tình hình các khoản phải trả

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Nợ ngắn hạn	**47.667**	**188.997**	**198.868**	**340.042**	**301.263**	**320.751**
Phải trả người bán	1.255	2.608	5.109	91.035	106.775	117.936
Người mua trả tiền trước	1.470	1.695	1.470	2.342	2.386	2.723
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	2.832	848	1.279	18.053	1.308	17.306
Phải trả người lao động	590	1.022	746	20.744	22.525	13.388
Chi phí phải trả	-	182	-	52.813	63.962	70.947
Dự phòng các khoản phải trả ngắn hạn	1.775	2.004	2.061	1.775	2.004	2.061
Phải trả ngắn hạn khác	5.960	138.222	146.216	11.929	27.900	21.949
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài	-	-	-	77.155	-	-

chính ngắn hạn						
Quỹ khen thưởng phúc lợi	33.784	42.415	41.986	64.196	74.403	74.440
Nợ dài hạn	**-**	**-**	**-**	**24.973**	**140.220**	**134.781**
Phải trả dài hạn khác	-	-	-	21.901	3.712	1.794
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	1.323	133.250	129.732
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-	1.748	3.258	3.255
Tổng	**47.667**	**188.997**	**198.868**	**365.015**	**441.483**	**455.532**

Nguồn: BCTC kiểm toán của VLC năm 2021 và 2022; Nguồn: BCTC Quý I/2023 của VLC

Trong quá trình hoạt động, VLC luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

Các khoản nợ của Công ty chủ yếu là các khoản tiền người mua ứng trước, phải trả nhà cung cấp và quỹ hỗ trợ chăn nuôi (được ghi nhận thông qua các khoản phải trả dài hạn khác). Đây đều là các khoản công nợ phát sinh thông thường trong hoạt động kinh doanh của MCM. Tại Quý I/2023, VLC đã trả hết các khoản vay không còn số dư vay ngắn hạn và dài hạn.

Các khoản phải nộp theo luật định:

Các khoản phải nộp cho nhà nước: thuế và bảo hiểm thực hiện kê khai đầy đủ và nộp đúng kỳ hạn, tuân thủ theo đúng quy định Pháp luật.

Bảng 24: Tình hình nộp thuế

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu (*)	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Thuế giá trị gia tăng	5.623	86	5.318
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.288	391	10.732
Thuế giá trị thu nhập cá nhân	484	176	187
Thuế tài nguyên	-	13	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	657	635	1.069
Khác	1	6	-
Tổng cộng	**18.053**	**1.308**	**17.306**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán của VLC năm 2021 và 2022; BCTC Quý I/2023 của VLC

Trích lập các quỹ:

Việc trích lập các quỹ được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định Pháp luật. Hàng năm, VLC trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 25: Số dư các quỹ

Số dư các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Quỹ đầu tư phát triển	61.103	95.221	80.560	94.219	81.266	100.943
Quỹ khen thưởng phúc lợi	33.784	64.196	42.415	74.403	41.986	74.440
Lợi nhuận chưa phân phối	245.864	556.642	333.771	383.822	339.773	418.474

Nguồn: BCTC kiểm toán của VLC năm 2021 và 2022; BCTC Quý I/2023 của VLC

Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Trong thời gian cuối năm 2022 tới cuối quý I/2023, Công Ty không gặp biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 26: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2021	Năm 2022	Quý I/2023	Năm 2021	Năm 2022	Quý I/2023
1. Khả năng thanh toán						
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	13,05	4,52	4,37	8,49	11,82	11,34
- Hệ số thanh toán nhanh	13,05	4,52	4,37	7,92	11,13	10,59
2. Cơ cấu vốn						
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,05	0,07	0,08	0,11	0,09	0,09
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,05	0,08	0,08	0,13	0,10	0,10
3. Năng lực hoạt động						
- Vòng quay tổng tài sản	0	0,002	0	1,16	0,78	0,15
- Vòng quay vốn lưu động	0,01	0,005	0,001	1,30	0,97	0,20
- Vòng quay hàng tồn kho	39,51	47,23	14,84	10,16	10,78	2,29
4. Khả năng sinh lời						
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	2582,33%	5444,38%	797,85%	11,04%	7,56%	11,57%
- Hệ số LNST trên vốn kinh doanh (ROA)	9,67%	11,14%	0,27%	12,80%	5,87%	1,72%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên VCSH (ROE)	10,12%	11,94%	0,30%	14,79%	6,52%	1,90%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	N/A	N/A	N/A	1.532	461	240

Nguồn: BCTC kiểm toán của VLC năm 2021 và 2022, BCTC Quý I/2023 của VLC

Khả năng thanh toán:

Các chỉ số về thanh toán như hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh cho thấy khả năng đáp ứng các nghĩa vụ ngắn hạn của công ty. Các hệ số này cao phản ánh công ty có nhiều tài sản có thể dễ dàng chuyển đổi nhằm đáp ứng các khoản thanh toán ngắn hạn. Trong năm 2021, hệ số thanh toán ngắn hạn theo báo cáo tài chính công ty mẹ VLC luôn ở mức cao trong khoảng 13 lần, hệ số theo

báo cáo tài chính hợp nhất trên 8 lần. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh của VLC cũng ở mức khá cao cho thấy tình trạng khả năng thanh toán tốt. Trong năm 2022, hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngắn hạn tăng trưởng mạnh để lên 11,82 và 11,13 lần. Đối với công ty mẹ, hệ số thanh toán nhanh và ngắn hạn giảm mạnh còn 4,52 lần cho cả hai hệ số. Trong quý I/2023, các hệ số thanh toán hợp nhất có giảm nhẹ nhưng tiếp tục giữ vững ở mức tốt, hệ số thanh toán nhanh đạt 10,59 lần và hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 11,34 lần.

Cơ cấu vốn:

Cơ cấu vốn cho biết cách mà công ty tài trợ tài chính cho tài sản thông qua cách kết hợp vốn chủ sở hữu và nợ. Phần lớn tài sản của VLC theo báo cáo tài chính công ty mẹ được tài trợ bởi vốn chủ do đó, tỷ lệ nợ/tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu sở hữu của VLC khoảng 0,05-0,08 lần. Trong khi đó, tỷ lệ nợ hợp nhất của VLC cao hơn, tỷ lệ nợ/tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 2021 lần lượt là 0,11 lần và 0,13 lần, đều giảm mạnh so với đầu năm. Trong năm 2022 và quý I/2023, hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu giữ ở mức tối ưu ở mức bằng hoặc dưới 0,1 lần cho cả hai chỉ số của VLC.

Năng lực hoạt động:

Chỉ số vòng quay hàng tồn tại báo cáo hợp nhất ở mức lên 10,16 lần cho thấy công ty đã có hoạt động quản lý tồn kho tối ưu trong năm 2021. Trong năm 2022, chỉ số vòng quay hàng tồn kho tại báo cáo hợp nhất tiếp tục tăng nhẹ lên mức 10,78 lần và 47,23 tại báo cáo công ty mẹ. Trong khi đó, hệ số vòng quay tài sản và vòng quay vốn lưu động của VLC đang ở mức thấp tại 0,002 lần và 0,005 lần theo báo cáo tài chính năm 2022 của công ty mẹ và ở mức 0,78 lần tại báo cáo hợp nhất. Tuy nhiên vòng quay lưu động gia tăng hơn so với năm 2021 và đạt 0,97 lần tại cuối 2022 và đạt 0,20 tại quý I/2023.

Khả năng sinh lời:

Khả năng sinh lời của công ty ở mức cao trong năm 2021, hệ số sinh lời trên vốn chủ đạt mức 14,79% trong năm 2021. Vào năm 2022, hệ số giảm mạnh xuống còn 6,52%, chủ yếu do hợp nhất kinh doanh.

Đối với tỷ suất lợi nhuận doanh thu, VLC đạt mức 7,56% theo báo cáo hợp nhất, giảm nhẹ so với năm 2021. Đối với ROA, khả năng sinh lời của VLC đang gia tăng theo báo cáo tài chính của công ty mẹ với ROA tăng từ 9,67% lên 11,14% từ năm 2021-2022.

- ❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Các báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2021, 2022 của VLC được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam và đều có ý kiến chấp nhận toàn phần.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Các báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2021, 2022 của VLC được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

3.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2022

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Công ty năm 2022

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng

Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2021

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lí, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.4. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Công ty năm 2021

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lí, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 27: Kế hoạch năm 2023 (Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2023	
	Kế hoạch	% tăng/giảm
Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	3.475	11%
Lợi nhuận sau thuế	245	3%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	7,05%	-6,88%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	5,5%	-6,30%
Tỷ lệ cổ tức	6%	0%

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2023

4.1. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên

Kế hoạch kinh doanh nêu trên đã được thông qua tại Nghị quyết số 01/2023/VLC/NQ-ĐHĐCĐ bởi Đại hội đồng cổ đông công ty tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 27 tháng 04 năm 2023 của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP.

4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh của VLC sau sáp nhập sẽ tập trung vào những nội dung chính như sau:

- Khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng đưa Vilico trở thành đơn vị lớn trong lĩnh vực ngành chăn nuôi và chế biến sản phẩm thịt tại Việt Nam. Theo kết quả khảo sát thị trường do Công ty thực hiện thì đây là thị trường có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai:
- Tổng quy mô thị trường thịt: hơn 10 tỉ USD – thịt trâu/bò hơn 2 tỉ USD
- Xu hướng tăng trưởng thịt trâu/bò 6-7% năm gấp đôi thịt heo, gà…
- Tổng đàn trâu, bò trong nước gần như không tăng qua các năm, chủ yếu là thịt trâu, bò nhập khẩu
- Quy mô thị trường thịt trâu/bò trong nước 500.000 tấn/năm. Nhập khẩu để tiêu thụ nội địa khoảng

300.000 tấn/năm

- Thịt bò cao cấp, chế biến sẵn nhập khẩu khoảng 60.000 tấn/năm tăng nhanh qua các năm gần đây.
- Thịt bò mát hiện chưa có thị trường do thói quen tiêu dùng + hạn chế thời gian nhập khẩu nên không thể nhập khẩu tiêu thụ thịt bò mát.
- Do đó, VLC đang có chủ trương đầu tư trang trại bò thịt qui mô khai thác 20.000 con/năm. Hình thức đầu tư là tự làm hoặc tìm đối tác có tiềm lực và kinh nghiệm tốt trong lĩnh vực này để thực hiện dự án.
- Tập trung nguồn lực để hỗ trợ và phát triển chăn nuôi bò sữa và sản xuất, kinh doanh các mặt hàng sữa thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu ("***Mộc Châu Milk***");
- Tập trung nguồn lực để hỗ trợ và phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chè thông qua công ty liên kết là Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP ("***Vinatea***");
- Tập trung nguồn lực để hỗ trợ và phát triển sản xuất kinh doanh các sản phẩm rượu vang, nước giải khát, sản phẩm điều thông qua công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng ("***Ladofoods***");
- Ngoài ra, VLC cũng sẽ tiếp tục khai thác các nguồn lực sẵn có của VLC, Vinamilk và tiếp kiếm các cơ hội đầu tư khác trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, chăn nuôi, nông nghiệp, … để phát triển VLC lớn mạnh hơn và bền vững trong dài hạn.
- Tìm đối tác để thoái vốn các khoản đầu tư tại các công ty liên kết có qui mô nhỏ và hoặc không phải là ngành nghề kinh doanh cốt lõi của VLC.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.

Dưới góc độ là nhà tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – chi nhánh Hà Nội (SSI) đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của VLC cũng như lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

VLC với nền tảng là một doanh nghiệp nhà nước có truyền thông trong lĩnh vực chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp đã từng bước chuyển mình sau khi Nhà nước thoái vốn và trở thành một trong những thành viên thuộc mạng lưới Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) – doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực này. Các hoạt động kinh doanh và kế hoạch mở rộng sản xuất của Công ty được dựa trên tiềm lực tài chính sẵn có, khả năng quản lý của ban lãnh đạo, và hợp tác kinh doanh cùng các đối tác lớn trên toàn cầu, do đó chúng tôi đánh giá kế hoạch doanh thu của Công ty có tính khả thi. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Tổ chức phát hành không còn cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

VLC hiện có 1 cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phần có biểu quyết của Công ty. Thông tin về tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn và những người có liên quan như sau:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	Số cổ phần nắm giữ hiện tại	Tỷ lệ cổ phần hiện tại	Số cổ phần dự kiến sau đợt phát hành	Tỷ lệ cổ phần dự kiến sau đợt phát hành
1	Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam	117.187.500	117.187.500	117.187.500	68%	133.506.398	68%
2	Người có liên quan của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Không nắm giữ cổ phiếu					

2.1. Thông tin chung về cổ đông lớn là cổ đông tổ chức

- Tên cổ đông: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
- Năm thành lập: 20/08/1976
- Đăng ký kinh doanh: số 0300588569 thay đổi lần thứ 29 ngày 6 tháng 12 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 20.899.554.450.000 đồng
- Người đại diện pháp luật: Bà Mai Kiều Liên
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Là Chủ tịch HĐQT của Tổ chức phát hành
- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

2.2. Thông tin chung về cổ đông lớn là cổ đông cá nhân

Không có cổ đông lớn là cổ đông cá nhân

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Mai Kiều Liên	Chủ tịch HĐQT
2	Trịnh Phương Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
3	Lê Thành Liêm	Thành viên HĐQT
4	Đỗ Hoàng Phúc	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Hồng Bách	Thành viên HĐQT

❖ **Bà Mai Kiều Liên – Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên khai sinh	:	Mai Kiều Liên
Năm sinh	:	1953
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
Quá trình công tác	:	
1976 – 1983	:	Đảm nhận các vị trí tại nhiều bộ phận khác nhau ở nhiều nhà máy và trở thành Phó Giám đốc Kỹ thuật – Nhà máy sữa Thống Nhất năm 1982.
1984 – 1992	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, phụ trách lĩnh vực kinh tế.
1992 - nay	:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk").
2003 – 2015	:	Chủ tịch HĐQT Vinamilk
07/2007 – nay	:	Chủ tịch, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.
9/2010 – nay	:	Thành viên HĐQT, Miraka Limted
10/2013 – nay	:	Chủ tịch, Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa
12/2013 – nay	:	Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holdings Corporation.
11/2018 – nay	:	Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH Lao-Jagro Development Xiengkhuoang
2015 - nay	:	Thành viên HĐQT Vinamilk
Tháng 02/2020 – nay	:	Chủ tịch HĐQT CTCP Giống bò sữa Mộc Châu
Tháng 07/2021 – nay	:	Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Tháng 03/2021 – nay	:	Chủ tịch HĐTV Del Monte - Vinamilk Dairy Philippines, Inc

		Chủ tịch HĐTV Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Liên Doanh Thực Phẩm Và Đồ Uống Vibev
Số Cổ phần của người có liên quan		Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam nắm giữ 117.187.500 cổ phần VLC tương ứng tỷ lệ 68% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam nắm giữ 117.187.500 cổ phần VLC tương ứng tỷ lệ 68% vốn điều lệ.

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành :

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2021 96.000.000 đồng, năm 2022 : 60.000.000 đồng, Quý 1 năm 2023 : 0 đồng.

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Trịnh Phương Nam - thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

Họ và tên khai sinh	:	Trịnh Phương Nam
Năm sinh	:	1980
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm và Thạc sĩ Vi Sinh thực phẩm
Quá trình công tác	:	
Từ năm 2010 - năm 2012	:	Nhân viên Kỹ thuật Công nghệ - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Sài Gòn
Từ năm 2012 – năm 2014	:	Trưởng ban Quản lý Chất lượng - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Việt Nam
Từ năm 2015 – nay	:	Giám đốc Nông Nghiệp - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – Công ty TNTH MTV Bò sữa Việt Nam (công ty thành viên của Vinamilk)
Từ 27/04/2023 - nay	:	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP
Từ 01/05/2023 – nay	:	Giám đốc chi nhánh Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP – Xí nghiệp Truyền Giống Gia súc và phát triển chăn nuôi miền Nam và Chi nhánh Tổng

		công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP
Từ 01/05/2023 - nay	:	Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam nắm giữ 117.187.500 cổ phần VLC tương ứng tỷ lệ 68% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam nắm giữ 117.187.500 cổ phần VLC tương ứng tỷ lệ 68% vốn điều lệ

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2021: 0 đồng, năm 2022 : 0 đồng, Quý 1 năm 2023: 0 đồng

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Lê Thành Liêm - Thành viên HĐQT**

Họ và tên khai sinh	:	Lê Thành Liêm
Năm sinh	:	22/08/1973
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ văn hóa	:	Thạc sỹ
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Tài chính và Thương mại Quốc tế, Đại học Leeds Metropolitan (Anh Quốc) & Học viên tài chính Cử nhân Kinh tế, Đại học Tài chính - Kế toán TP. HCM Chứng chỉ Chương trình đào tạo chuyên sâu Thành viên HĐQT (DCP), Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) Chứng nhận Chương trình đào tạo Lãnh đạo Toàn cầu (Global Leadership Program-GLP), Học viện Quản lý PACE
Quá trình công tác	:	
Năm 2015 – Nay	:	Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng -

		Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)
Năm 2003 – Năm 2015		Phó Phòng Kế toán, Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)
Năm 1994 – Năm 2003		Các vị trí khác nhau tại Phòng Tài chính - Kế toán - Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng - Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021 – Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam Thành viên HĐQT, Del Monte-Vinamilk Dairy Philippines, Inc
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk). Thông tin về Vinamilk đã được trình bày ở trên.
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành :

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam nắm giữ 117.187.500 cổ phần VLC tương ứng tỷ lệ 68% vốn điều lệ

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ : Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại :

Năm 2021 : Không có, năm 2022: 56.000.000 đồng, Quý 1 năm 2023: 24.000.000 đồng

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

❖ Ông Đỗ Hoàng Phúc - Thành viên HĐQT

Họ và tên khai sinh	:	Đỗ Hoàng Phúc
Năm sinh	:	03/07/1957
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ văn hóa	:	Cử nhân
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân ngành Quản lý Hành chính - Đại học Cảnh sát nhân dân

		Đại học An Ninh Nhân Dân - Cử nhân ngành Điều tra tội phạm Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Cử nhân Chính trị
Quá trình công tác	:	
Năm 2021 - nay	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty CP Cấp nước ĐăkLăk
Năm 2019 – nay	:	
Năm 2018 – nay	:	Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty CP Cà phê Thắng Lợi
Năm 2018 – nay	:	Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty CP Xi măng và XD Quảng Ninh
Năm 2011 – Năm 2017	:	Giám đốc - Công ty CP XNK Nam Phương IMEX
Năm 2009 – Năm 2011	:	Phó Giám Đốc - Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình
Năm 1975 – Năm 2008	:	Phó Chánh Văn Phòng - Tỉnh ủy Ninh Bình Đại tá Cảnh sát nhân dân – Công An Tỉnh Ninh Bình
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi; Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh; Giám đốc - Công ty Cổ phần XNK Nam Phương IMEX.
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	10.060.600 cổ phần, tương đương 5,8%
Phạm Thị Linh (Vợ)	:	5.060.600 cổ phần, tương đương 2,94%
Đỗ Hoàng Phương (Con Trai)	:	5.000.000 cổ phần, tương đương 2,9%
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ : Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại :

Năm 2021: Không có, năm 2022: 56.000.000 đồng, Quý 1 năm 2023: 24.000.000 đồng

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng

giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Nguyễn Hồng Bách - Thành viên HĐQT**

Họ và tên khai sinh	:	Nguyễn Hồng Bách
Năm sinh	:	25/01/1976
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ văn hóa	:	Thạc sỹ
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội Chứng chỉ đào tạo nghề luật sư - Học viện Tư pháp Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm - Đại học Sư phạm II Hà Nội Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Quốc tế - Đại học Griggs – Hoa Kỳ Thạc sĩ luật - Đại học Kiểm sát Hà Nội
Quá trình công tác	:	
Năm 2012 - nay	:	Phó Chủ nhiệm - Đoàn luật sư tỉnh Hà Nam
Năm 2021 – nay		Viện Trưởng - Viện ứng dụng khoa học công nghệ và luật pháp Thành viên Hội đồng trường - Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Nông nghiệp Nam Sông Hồng Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Hà Nam Group Chủ tịch HĐTV - Công ty TNHH Thiên Thành Giám đốc - Hợp tác xã nông nghiệp Bắc Hải Châu Giám đốc - Trung tâm tư vấn pháp luật – Đoàn Luật sư tỉnh Hà Nam
Năm 2020 – nay	:	Chủ tịch Hội đồng tư vấn - Công ty Luật TNHH Hồng Bách và Cộng sự
Năm 2015 – Năm 2019	:	Luật sư thành viên - Công ty Luật TNHH Bross và cộng sự
Năm 2010 – Năm 2014	:	Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty luật hợp danh Hồng Bách và Cộng sự
Năm 2008 – Năm 2010	:	Chủ tịch Hội đồng tư vấn - Văn phòng Luật sư Hồng Bách và Cộng sự
Năm 2004 – Năm 2008	:	Phó trưởng văn phòng phụ trách về chuyên môn và đào tạo Luật sư - Văn phòng Luật sư Phạm Hồng Hải và Cộng sự
Năm 1999 – Năm 2002	:	Trợ lý giám đốc - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoàng Gia
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ	:	Phó Chủ nhiệm - Đoàn luật sư tỉnh Hà Nam

chức khác		Viện Trưởng - Viện ứng dụng khoa học công nghệ và luật pháp Thành viên Hội đồng trường - Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Nông nghiệp Nam Sông Hồng Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Hà Nam Group Chủ tịch HĐTV - Công ty TNHH Thiên Thành Giám đốc - Hợp tác xã nông nghiệp Bắc Hải Châu Giám đốc - Trung tâm tư vấn pháp luật – Đoàn Luật sư tỉnh Hà Nam Chủ tịch Hội đồng tư vấn - Công ty Luật TNHH Hồng Bách và Cộng sự
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành :

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ : Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2021 : Không có, năm 2022: 56.000.000 đồng, Quý 1 năm 2023: 24.000.000 đồng

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trịnh Phương Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2	Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Huy Bích	Giám đốc tài chính

- **Ông Trịnh Phương Nam - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc: như trên**

❖ **Ông Trần Chí Sơn - Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên khai sinh	:	Trần Chí Sơn
Năm sinh	:	1975
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kế toán-Kiểm toán Chứng chỉ ACCA (Anh Quốc)
Quá trình công tác	:	
Từ tháng 8/2022 đến nay	:	Thư ký Công ty tại Vinamilk Người phụ trách quản trị Công ty tại Vinamilk.
Từ tháng 6/2016 đến nay	:	Trưởng bộ phận tài chính Vinamilk
Từ năm 2005 đến 2016	:	Đảm nhận các vị trí khác nhau như Giám đốc Kiểm soát Nội bộ, Giám đốc Đầu tư, Trưởng ban Quan hệ nhà đầu tư (IR) tại Vinamilk
Từ năm 1998 đến 2005	:	Ông đã từng đảm nhiệm các chức vụ tại các đơn vị sau: Kế toán tại Công ty Bia San Miguel Việt Nam, Trưởng nhóm kiểm toán tại KPMG, Kế toán trưởng tại Công ty TNHH URC Việt Nam và Kế toán trưởng tại Công TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam
Chức vụ hiện nay:	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng Thành viên HĐQT Lao – Jargo Development Xiengkhouang Co., Ltd
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	2.120 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam nắm giữ 117.187.500 cổ phần VLC tương ứng tỷ lệ 68% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk). Thông tin về Vinamilk đã được trình bày ở trên.

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2021: 72.000.000 đồng, năm 2022: 193.846.154 đồng, Quý 1 năm 2023: 96.153.846 đồng

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Lê Huy Bích - Giám đốc tài chính**

Họ và tên khai sinh	:	Lê Huy Bích
Năm sinh	:	1989
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính, Đại học Rennes I, Pháp
Quá trình công tác	:	
Từ tháng 1 năm 2020	:	Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam và Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu
Từ 01/2020 – 03/2022	:	Giám đốc tài chính của GTNfoods
Từ năm 2016 tới nay,		Công tác tại nhiều vị trí khác nhau trong Bộ phận Tài chính của tại Vinamilk
Chức vụ hiện nay:	:	Giám đốc tài chính
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Giám đốc Tài chính Công ty CP Giống Bò sữa Mộc Châu Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Súc Sản Gia Cầm Hải Phòng Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Giống Gia Súc Miền Trung
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám

đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ : Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2021: 60.000.000 đồng, năm 2022 : 186.153.846 đồng, Quý 1 năm 2023: 75.096.154 đồng

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trịnh Công Sơn	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trương Anh Vũ	Thành viên Ban kiểm soát

❖ **Bà Hà Thị Diệu Thu - Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên khai sinh	:	Hà Thị Diệu Thu
Năm sinh	:	1989
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Phước Sơn, Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa – Vũng Tàu
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế-Luật
Quá trình công tác	:	
05/2019-nay 02/2016-04/2019 10/2014-02/2016 07/2011 -10/2014	:	Trưởng ban Kiểm soát Hệ thống- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Chuyên viên Kiểm soát Nội bộ- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Chuyên viên cấp cao Quản lý rủi ro & Chất lượng- Công ty TNHH PwC Việt Nam Trưởng nhóm Kiểm toán-Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam
Chức vụ hiện nay:	:	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Trưởng ban Kiểm soát Hệ thống Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ : Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2021 : 72.000.000 đồng, năm 2022 : 96.000.000 đồng, Quý 1 năm 2023: 24.000.000 đồng

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Trịnh Công Sơn - thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên khai sinh	:	Trịnh Công Sơn
Năm sinh	:	1992
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh (ACCA) Chứng chỉ kiểm toán viên (CPA Việt Nam)
Quá trình công tác	:	
Từ năm 2017 đến hiện nay	:	Trưởng ban Kế toán Tổng hợp và BCTC, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Từ năm 2014 đến 2017	:	Trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Trưởng ban Kế toán Tổng hợp và BCTC, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ : Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại :

Năm 2021 : 48.000.000 đồng, năm 2022 : 78.000.000 đồng, Quý 1 năm 2023: 18.000.000 đồng

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Trương Anh Vũ - Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên khai sinh	:	Trương Anh Vũ
Năm sinh	:	20/11/1985
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ văn hóa	:	Thạc sỹ
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Luật - Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh Thạc sĩ Luật - University of Wollongong
Quá trình công tác	:	
Tháng 3/2022 - nay	:	Quyền Trưởng Bộ phận Pháp lý về Đầu tư và Quản trị - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Tháng 6/2019 – Tháng 2/2022	:	Trưởng Ban Pháp lý về Hoạt động và Đầu tư nước ngoài – Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Tháng 5/2017 – Tháng 5/2019	:	Trưởng Ban Pháp lý – Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Tháng 8/2014 – Tháng 4/2017	:	Chuyên viên Pháp lý – Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Năm 2011 – Năm 2014	:	Luật sư cộng sự - Công ty Luật TNHH LNT & Partners
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Quyền Trưởng Bộ phận Pháp lý về Đầu tư và Quản trị tại Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ : Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại :

Năm 2021 : Không có, năm 2022: 48.000.000 đồng, Quý 1 năm 2023: 18.000.000 đồng

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Hoàng Mạnh Cường - Kế toán trưởng**

Họ và tên khai sinh	:	Hoàng Mạnh Cường
Năm sinh	:	20/9/1978
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ văn hóa	:	Thạc sỹ
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	:	
Năm 2013 – Năm 2021	:	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần GTNfoods
Năm 2002 – Năm 2006		Kế toán trưởng - Công ty Cổ Phần Liên Hợp Thực Phẩm Hà Tây
		Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Thực phẩm Bách Hợp
Năm 2006 – Năm 2010		Công ty Cổ Phần Khai thác khoáng sản Lương Sơn
Năm 2010 – Năm 2013		
Chức vụ hiện nay:	:	Kế toán trưởng
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	6.250 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành :

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ : Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng…) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại :

Năm 2021: Không có, năm 2022: 239.175.385 đồng, Quý 1 năm 2023: 119.184.615 đồng

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

VIII.THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán thêm là tối đa 43.086.543 cổ phiếu

4. Giá chào bán:

14.000 đồng/cổ phiếu

5. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá

Tối đa 430.865.430.000 đồng

6. Phương pháp tính giá

Mức giá chào bán cổ phần là mức giá do ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/2023/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023 điều chỉnh một số nội dung về phương án phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/VLC/NQ-ĐHĐCĐ.

7. Phương thức phân phối

Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

1. Tỷ lệ phát hành:	25% (cổ đông sở hữu 01 cổ phần tương ứng với 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua thì được mua thêm 25 cổ phần chào bán thêm) Các cổ đông không được phép chuyển nhượng quyền mua.
2. Phương thức chào bán:	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
3. Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
4. Nguyên tắc làm tròn:	Số cổ phần chào bán thêm cho từng cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần chào bán thêm cho từng cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. *Ví dụ 1: Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông A đang sở hữu 2.803 cổ phần, số cổ phần được quyền mua theo phương án chào bán là 2.803 x 25 : 100 = 700,75 cổ phần. Sau khi làm tròn xuống, số cổ phần cổ đông A được đăng ký mua là 700 cổ phần và 0,75 cổ phần lẻ sẽ không được thực hiện quyền mua. HĐQT được toàn quyền quyết định việc xử lý số cổ phần lẻ này theo quy định tại mục 5 dưới đây.*
5. Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết:	Trong trường hợp cổ phần đăng ký chào bán thêm không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu do có cổ đông không đăng ký mua hết hoặc phát sinh cổ phần lẻ thì toàn bộ số

cổ phần chưa phân phối hết này sẽ được HĐQT phân phối lại cho các cổ đông theo nguyên tắc như sau:

(i) Bán bằng giá chào bán cho các cổ đông hiện hữu có đăng ký mua thêm cổ phần bằng văn bản gửi về Công ty. Mỗi cổ đông được quyền đăng ký mua thêm tối đa bằng số lượng quyền mua cổ phần chào bán thêm quy định tại điểm 1 nêu trên.

(ii) Trường hợp có nhiều cổ đông đăng ký mua thêm và tổng số lượng cổ phần đăng ký mua thêm lớn hơn số cổ phần chưa phân phối hết thì áp dụng nguyên tắc phân phối tiếp số lượng cổ phần cho từng cổ đông đăng ký mua thêm như sau:

$$\frac{\text{Tổng số lượng cổ phần chưa phân phối hết}}{\text{Tổng số lượng cổ phần đăng ký mua thêm}} \times \text{Số lượng đăng ký mua thêm của mỗi cổ đông}$$

Số lượng cổ phiếu được mua thêm sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ 2: Tổng số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết là 2.000.000 cổ phiếu. Có 55 cổ đông đăng ký mua thêm với tổng số lượng đăng ký mua thêm là 4.500.000 cổ phiếu. Trong đó, cổ đông A ở Ví dụ 1 đăng ký mua thêm 700 cổ phiếu (bằng số lượng tối đa được đăng ký mua thêm ngoài số lượng quyền mua 700 cổ phiếu đã đăng ký mua tại Ví dụ 1) thì cổ đông A được mua tiếp (2.000.000/4.500.000) x 700 = 311,11 cổ phiếu, làm tròn xuống còn 311 cổ phiếu. 0,11 cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ bị hủy bỏ.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP cam kết không phân phối cho các công ty con đảm bảo thực hiện theo Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp 2020: "Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau."

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: không hạn chế
- Thời hạn đăng ký: dự kiến trong vòng 35 ngày. Công ty sẽ thông báo sau.
- Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phần tối thiểu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo đúng như dự kiến, Công ty sẽ hoàn trả lại số tiền thu được từ đợt chào bán cho các cổ đông.

9. Lịch trình phân phối dự kiến

Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin

phép Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: Trong năm 2023 và/hoặc Quý I năm 2024 và trong vòng 90 ngày sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ chào bán.

Bảng 28: Lịch trình dự kiến các mốc thời gian của đợt phát hành

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	D
2	Gửi hồ sơ đến VSD, HNX, thông báo về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua/thực hiện quyền (Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng hưởng quyền mua dự kiến là D+11)	D+1 đến D+3
3	Công bố thông tin theo quy định	D đến D+7
4	Công ty nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền	D+13
5	Các cổ đông tiến hành đăng ký, và nộp tiền mua cổ phần	D+15 đến D+40
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Thực hiện xử lý cổ phần lẻ và số cổ phần không chào bán hết (nếu cần thiết)	D+41 đến D+50
7	Báo cáo kết quả phát hành; chuyển giao cổ phiếu và hoàn tất thủ tục lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu	D+51 đến D+70

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

- Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Cổ phần không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu và được HĐQT quyết định phân phối lại cho các cổ đông sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng (01) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- **Số tài khoản:** 060289127227
- **Tên ngân hàng nơi mở tài khoản:** Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank) – Chi nhánh Trung Tâm

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có

13. Hủy bỏ đợt chào bán

- Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, VLC không chào bán thành công tối thiểu 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán, tương đương 30.160.580 cổ

phần.

– Phương án hoàn trả tiền cho Nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu trong trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ: Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công Ty không chào bán thành công tối thiểu 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo đúng như dự kiến, Công Ty cam kết sẽ hoàn trả lại số tiền thu được từ đợt chào bán cho các cổ đông. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ, Công ty sẽ công bố việc hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng trên 01 (một) tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 (ba) số liên tiếp và thu hồi chứng khoán đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho Nhà đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ.

- Cam kết bồi thường thiệt hại trong trường hợp: Hết thời hạn hoàn tiền cho nhà đầu tư theo quy định trên mà Công ty chưa thực hiện hoàn trả tiền cho nhà đầu tư, Công ty cam kết sẽ bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư. Mức bồi thường được tính như sau:

  Mức bồi thường = Tỷ Lệ Phần Trăm Bồi Thường x Số ngày quá thời hạn cam kết x Số tiền tương ứng với số cổ phiếu đăng ký mua của nhà đầu tư đã nộp vào tài khoản phong tỏa của Công ty

  Trong đó:

  Tỷ lệ phần trăm bồi thường được xác định tại thời điểm Công ty thanh toán tiền bồi thường và bằng trung bình cộng tiền gửi lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 06 tháng trả sau được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại VLC là 100%, do đó việc phát hành cổ phiếu luôn đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.

15. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức…theo các quy định hiện hành của luật thuế Thu nhập cá nhân, luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

15.1.Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Điều 16, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 quy định:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	=	Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần	x	Thuế suất 0,1%

Thu nhập từ cổ tức:

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, thu nhập của cá nhân từ đầu tư vốn và chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

15.2.Đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

– Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật

số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%.

– Đối doanh nghiệp nước ngoài: Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

16. Thông tin về các cam kết

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP cam kết:

– Triển khai đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng;

– Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến đợt chào bán.

– Công Ty cam kết việc xử lý cổ phiếu cổ đông từ chối quyền mua hoặc không thực hiện quyền (trường hợp bán cho đối tượng khác) đảm bảo quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 139 Nghị Định 155.

– Về việc chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại Điều 35 Luật Chứng Khoán và/hoặc chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất:

– Công Ty cam kết lựa chọn và quyết định đối tượng phân phối số cổ phần không được cổ đông hiện hữu đăng ký mua hoặc đăng ký mua nhưng không được thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ của đợt phát hành, không thuộc trường hợp nêu trên.

– Công Ty cam kết việc phân phối cổ phiếu đáp ứng quy định về việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ, công ty con quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh Nghiệp, cụ thể như sau: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau”.

– Công Ty cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng Khoán, cụ thể như sau: “Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích”.

– Đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Căn cứ theo Công văn số 1930/UBCK-PTTT ngày 12/05/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công Ty là 100%.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có

IX. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán:

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/VLC/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 08/06/2022 (được điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023) của VLC, mục đích chào bán là để tăng phần vốn góp của VLC tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (“**JVL**”), qua đó triển khai thực hiện dự án chăn nuôi bò thịt và các hoạt động giết mổ, chế biến, bảo quản thịt bò và các sản phẩm từ thịt bò (“**Dự Án Bò Thịt**”). Dự Án Bò Thịt gồm 02 dự án thành phần như sau:

(1) Dự án “*Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đuổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ,*

chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo" tại huyện Tam Đảo và huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 2216/QĐ-UBND ngày 12/08/2021 chấp thuận VLC làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư dự kiến là 1.670 tỷ đồng ("**Dự Án Tam Đảo**"). Dự Án Tam Đảo là thành phần chính của Dự Án Bò Thịt, theo đó VLC sẽ làm chủ đầu tư của Dự Án Tam Đảo cho đến khi hoàn thành xây dựng và đáp ứng đủ điều kiện chuyển nhượng dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, sau đó VLC sẽ chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo cho JVL để JVL tiếp tục triển khai và vận hành;

(2) Cơ sở chăn nuôi, vỗ béo bò thịt để bổ trợ cho Dự Án Tam Đảo: hiện JVL đang trong giai đoạn tìm kiếm địa điểm phù hợp để triển khai ("**Dự án Bổ trợ**").

Trên cơ sở mục đích chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua nêu trên, HĐQT của VLC đã phê duyệt Nghị quyết số 13/2023/VLC/NQ-HĐQT ngày 12/05/2023 thông qua phương án chi tiết sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán là tăng phần vốn góp của VLC tại JVL, qua đó triển khai thực hiện Dự Án Tam Đảo.

Về mối liên quan giữa Dự Án Tam Đảo và Dự án Bổ trợ nêu trên, Hội đồng Thành viên của JVL đã thông qua Nghị quyết số 01/2023/JVL/NQ-HĐTV ngày 06/02/2023 với nội dung đánh giá về sự tác động của Dự án Bổ trợ đến tính khả thi của Dự Án Tam Đảo, cụ thể: Dự Án Tam Đảo đã bao gồm các thành phần chính của Dự Án Bò Thịt như Trang trại vỗ béo bò thịt, Nhà máy chế biến thịt bò và kho hàng. Đây là dự án chính trong Dự Án Bò Thịt, hoạt động độc lập với Dự án Bổ trợ nên việc quyết định đầu tư thêm Dự án Bổ trợ hoàn toàn không ảnh hưởng đến tính khả thi của Dự Án Tam Đảo. Dự Án Tam Đảo có tổng vốn đầu tư là 1.670 tỷ đồng, trong đó VLC sẽ góp 51% tương đương với 851,7 tỷ đồng bằng số tiền huy động thông qua đợt chào bán (khoảng 603,2 tỷ đồng), phần còn lại VLC sẽ sử dụng nguồn tiền hiện có của mình để góp vốn.

Ngày 25/11/2021, UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk), VLC và Tập đoàn Sojitz (Sojitz Corporation) của Nhật Bản đã ký kết biên bản ghi nhớ tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư Việt Nam - Nhật Bản dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ - Đồng chí Phạm Minh Chính nhân chuyến thăm chính thức Nhật Bản, với các nội dung liên quan đến Dự Án Bò Thịt như: liên doanh đầu tư cơ sở chăn nuôi – giết mổ - chế biến – phân phối sản phẩm thịt bò tại Việt Nam, cung cấp cho thị trường toàn quốc và xuất khẩu (tạm gọi là giai đoạn I); các giai đoạn tiếp theo sẽ có thêm các sản phẩm nguồn gốc protein khác với công nghệ chế biến sâu và quy mô hợp tác dự kiến lên đến 500 triệu USD. Trong đó, giai đoạn I của dự án dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2023 có quy mô công suất là khoảng 30.000 bò thịt/năm, với cơ sở chế biến khép kín, công nghệ hiện đại. Quy mô hợp tác giữa các nhà đầu tư xấp xỉ 3.000 tỷ đồng; trong đó tổng mức đầu tư dự kiến của Dự Án Tam Đảo tại tỉnh Vĩnh Phúc là 1.670 tỷ đồng (theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2216/QĐ-UBND do Uỷ ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 12/08/2021). Trong giai đoạn đầu tư tiếp theo, JVL, VLC, Sojitz và Vinamilk đã ký kết Thỏa thuận khung về đầu tư vào ngày 05/09/2022 nhằm xác lập và điều chỉnh việc hợp tác giữa các bên liên quan đến Dự Án Bò Thịt, cũng như xây dựng lộ trình góp vốn vào JVL để triển khai thực hiện Dự Án Bò Thịt. Theo

2. Phương án khả thi:

- **Thông tin về phương án khả thi:**
  - Cơ quan lập: VLC
  - Cấp có thẩm quyền phê duyệt: Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc
  - Mục đích của Dự Án Tam Đảo: Chăn nuôi, giết mổ, chế biến, phân phối bán buôn, bán lẻ và xuất khẩu sản phẩm thịt bò và các sản phẩm chế biến từ thịt bò chất lượng cao theo công nghệ Nhật Bản với giá cả hợp lý và theo chu trình khép kín "Farm-to-table" cho người tiêu dùng Việt Nam
  - Quy mô của Dự Án Tam Đảo: Tổng mức đầu tư cho Dự Án Tam Đảo là 1.670 tỷ đồng
  - Kế hoạch triển khai Dự Án Tam Đảo:
    - Các thủ tục chuẩn bị dự án : đến tháng 12/2022 (đã thực hiện)
    - Lễ khởi công dự án : ngày 8/3/2023 (đã thực hiện)
    - Thủ tục PCCC, giấy phép xây dựng, thi công dự án : đến quý 2/2023

- Hoàn thành xây dựng nhà máy chế biến thịt : đến quý 2/2024
- Hoàn thành chạy thử nhà máy chế biến thịt : đến quý 3/2024
- Hoàn thành xây dựng trang trại bò thịt : đến quý 4/2024

- Đối tác tham gia: Sojitz
- Các vấn đề về tài chính: Không có

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án:

- Cơ sở pháp lý để triển khai Dự Án Tam Đảo:
  - Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2216/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 12/08/2021 cho VLC là chủ đầu tư cho Dự Án Tam Đảo;
  - Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 số 816/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 28/04/2022; và Quyết định điều chỉnh cục bộ Quy hoạch số 2553/QĐ-UBND ngày 19/12/2022;
  - Thông báo kết quả thẩm định nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm Thiết kế cơ sở) số 825/CN-MTCN, ngày 13/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
  - Quyết định điều chỉnh giao đất số 261/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc cấp.
- Tình hình triển khai dự án đến thời điểm hiện tại:

Hạng mục	Tình hình triển khai	Thời gian dự kiến đưa vào hoạt động, khai thác	Tiến độ cụ thể (nếu có)
Cấp phép xây dựng – PCCC	Đang thực hiện	Đến Quý 2/2023	Đã được cấp giấy phép xây dựng cho phần hàng rào, san lấp mặt bằng và hạ tầng giao thông.
Khởi công dự án	Đã thực hiện	Tháng 3/2023	Đã thực hiện lễ động thổ và triển khai dự án vào ngày 8/3/2023 với sự tham dự của Phó thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương và UBND và các sở ban ngành của tỉnh Vĩnh Phúc.
Hoàn thành xây dựng Nhà máy	Chuẩn bị	Quý 2/2024	
Hoàn thành xây dựng Trang trại	Chuẩn bị	Quý 4/2024	
Vận hành chạy thử	Chuẩn bị	Quý 3/2024	
Đi vào hoạt động và khai thác		Quý 4/2024	

- Cơ cấu vốn đầu tư dự án:
  - Tổng vốn đầu tư cho Dự Án Tam Đảo là 1.670 tỷ đồng sẽ do VLC chủ động nguồn tiền để thực hiện theo tiến độ, bao gồm cả số tiền thu được từ đợt chào bán dùng để tăng vốn điều lệ cho JVL sẽ được JVL chuyển tiền tạm ứng lại cho VLC triển khai dự án cho đến khi dự án đủ điều kiện chuyển nhượng cho JVL theo quy định của pháp luật. Dự án không sử dụng vốn vay.
  - Thay đổi về tổng vốn đầu tư, cơ cấu vốn so với phương án đã được phê duyệt: Không có thay đổi cho Dự Án Tam Đảo

Phương án bù đắp vốn trong trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn: Trong trường hợp điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, hoặc điều chỉnh cơ cấu vốn làm tăng tổng mức đầu tư của VLC tại Dự Án Tam

Đảo, Công ty sẽ trình để Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt phương án bù đắp vốn, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và điều lệ của VLC.

X. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, **tối thiểu là 422.248.121.400 đồng và tối đa là 603.211.602.000 đồng** được sử dụng theo mục đích như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền sử dụng nếu chào bán được tối thiểu 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán ra công chúng	Số tiền sử dụng nếu chào bán được tối đa 100% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán ra công chúng	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Tăng phần vốn góp của VLC tại JVL	422.248.121.400 đồng	603.211.602.000 đồng	Trong năm 2023 và/hoặc Quý I năm 2024
	Tổng cộng	**422.248.121.400 đồng**	**603.211.602.000 đồng**	

- Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công Ty không chào bán thành công 100% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán, Công Ty sẽ sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác của Công Ty hoặc vay ngân hàng hoặc huy động từ các nguồn hợp lệ khác nhằm bù đắp phần vốn còn thiếu để thực hiện mục đích sử dụng vốn nêu trên.
- Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, VLC không chào bán thành công tối thiểu 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo đúng như dự kiến, VLC sẽ hoàn trả lại số tiền thu được từ đợt chào bán cho các cổ đông.
- Với tư cách là chủ đầu tư của Dự Án Tam Đảo theo Quyết định chủ trương đầu tư, VLC sẽ triển khai công tác xây dựng, thực hiện các hạng mục đầu tư của Dự Án Tam Đảo. Sau khi VLC hoàn thành công tác xây dựng tại Dự Án Tam Đảo và dự án này đáp ứng các điều kiện chuyển nhượng theo quy định pháp luật hiện hành, VLC sẽ chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo cho JVL để JVL quản lý, vận hành và tiếp tục phát triển dự án này;
- Sau khi nhận được tiền thu được từ đợt chào bán, VLC sẽ thực hiện tăng phần vốn góp của VLC tại JVL để tăng vốn điều lệ cho JVL. JVL sẽ sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt tăng vốn điều lệ này để chuyển tiền tạm ứng vốn đầu tư cần thiết cho VLC triển khai thực hiện Dự Án Tam Đảo từ giai đoạn bắt đầu khởi công xây dựng cho đến khi dự án đủ điều kiện chuyển nhượng cho JVL theo quy định của pháp luật.
- Để có cơ sở thực hiện giao dịch chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo, VLC, JVL và các bên liên quan sẽ ký kết các tài liệu, văn kiện và hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu sau đây: (i) Thỏa thuận khung về việc hợp tác đầu tư Dự Án Tam Đảo để hướng tới việc chuyển nhượng dự án; (ii) Hợp đồng chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo.
- Sau khi Dự Án Tam Đảo đủ điều kiện chuyển nhượng, VLC và JVL sẽ cùng rà soát, tính toán lại các chi phí đầu tư, xây dựng thực tế đã phát sinh cho Dự Án Tam Đảo để thống nhất Giá chuyển nhượng cuối cùng mà JVL có nghĩa vụ thanh toán cho VLC. Giá chuyển nhượng sẽ được cấn trừ với số tiền tạm ứng mà JVL đã ứng trước cho VLC để thực hiện Dự Án Tam Đảo.

Thông tin về doanh nghiệp được góp vốn:

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (“**JVL**”)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0109752537 cấp lần đầu ngày 27/09/2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, thay đổi lần 1 ngày 17/01/2023
- Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn các

hàng hoá theo quy định của pháp luật) – mã ngành 4632

- Vốn điều lệ (tại ngày 31/03/2023): 736.000.000.000 đồng (bằng chữ: bảy trăm ba mươi sáu tỷ đồng)
- Mối quan hệ của JVL với VLC: JVL là công ty liên doanh giữa VLC và Tập đoàn Sojitz (Sojitz Corporation) của Nhật Bản ("Sojitz"), được thành lập vào ngày 27/09/2021, trong đó VLC góp 51% và Sojitz góp 49% vốn, để thực hiện việc nhập khẩu, phân phối bán buôn thịt bò và các sản phẩm chế biến từ thịt bò. Sojitz là một trong những tập đoàn đa ngành quy mô lớn và có tốc độ tăng trưởng nhanh của Nhật Bản, đã tham gia và đầu tư vào Việt Nam trong nhiều năm qua trong các lĩnh vực sản xuất phân bón, sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất thực phẩm chế biến sẵn, chuỗi cửa hàng tiện lợi và logistics... Tại Nhật Bản, Sojitz hiện cũng là một trong các đơn vị nhập khẩu và phân phối thịt bò từ Bắc Mỹ và Úc quy mô lớn cùng với các hoạt động tiếp thị, kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi.
- Mối quan hệ của JVL với người có liên quan của VLC:

Tên	Mối quan hệ với JVL	Mối quan hệ với VLC
Ông Trịnh Phương Nam	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật

- Thông tin về việc góp vốn của VLC vào JVL:
  - Tỷ lệ sở hữu của VLC hiện tại: 51%
  - Tỷ lệ sở hữu của VLC sau khi góp vốn: 51%
  - Lộ trình dự kiến góp vốn trong năm 2023 và 2024 như sau:

(Đơn vị: tỷ đồng)

Thời điểm tăng vốn	Giá trị phần vốn góp tăng thêm	Giá trị phần vốn góp bởi VLC	Giá trị phần vốn góp bởi Sojitz
Năm 2023	2.070,0	1.055,7	1.014,3
Năm 2024	94,3	48,1	46,2
Tổng cộng	**2.164,3**	**1.103,8**	**1.060,5**

Vốn góp đối ứng của Sojitz vào JVL sẽ được sử dụng toàn bộ cho việc triển khai Dự Án Bò Thịt. JVL sẽ ưu tiên sử dụng nguồn vốn được tăng thêm để tạm ứng vốn đầu tư cần thiết cho VLC thực hiện Dự Án Tam Đảo cho đến khi dự án đủ điều kiện chuyển nhượng cho JVL theo quy định. Phần vốn còn lại sẽ được JVL sử dụng để tiếp tục triển khai Dự án Bổ trợ, hoàn thiện Dự Án Bò Thịt.

  - Cơ cấu sở hữu hiện tại và sau khi góp vốn như sau:

(Đơn vị: tỷ đồng)

	Hiện tại		Sau khi góp vốn	
	Giá trị vốn góp	% sở hữu	Giá trị vốn góp	% sở hữu
VLC	375,4	51%	1.479,2	51%
Sojitz	360,6	49%	1.421,1	49%
Vốn điều lệ JVL	**736,0**	**100%**	**2.900,3**	**100%**

  - Cơ sở pháp lý về việc góp vốn:
    - ✓ Nghị quyết ĐHĐCĐ của VLC số 01/2022/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2022 thông qua chủ trương góp thêm vốn để tăng vốn điều lệ cho JVL để triển khai Dự Án Tam Đảo và phương án chuyển chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo cho JVL;
    - ✓ Nghị quyết Hội đồng Thành viên của JVL số 02/2023/JVL/NQ-HĐTV ngày 10/05/2023 thông qua điều chỉnh phương án tăng vốn điều lệ và tiến độ Dự Án Bò Thịt.

XI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 46, Keangnam Landmark 72, đường E6 Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3946 1600
Website: www.kpmg.com.vn

❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3936 6321 Fax: (84-4) 3936 6318
Website: www.ssi.com.vn

Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – chi nhánh Hà Nội (SSI) đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của VLC cũng như lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

VLC với nền tảng là một doanh nghiệp nhà nước có truyền thông trong lĩnh vực chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp đã từng bước chuyển mình sau khi Nhà nước thoái vốn và trở thành một trong những thành viên thuộc mạng lưới Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) – doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực này. Các hoạt động kinh doanh và kế hoạch mở rộng sản xuất của Công ty được dựa trên tiềm lực tài chính sẵn có, khả năng quản lý của ban lãnh đạo, và hợp tác kinh doanh cùng các đối tác lớn trên toàn cầu, do đó chúng tôi đánh giá kế hoạch doanh thu của Công ty có tính khả thi. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

XII. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XIII.PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VLC số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/05/2023
2. Phụ lục II:
   - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của VLC số 01/2022/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2022 và số 01/2023/VLC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023;
   - Nghị quyết Hội đồng quản trị của VLC số 11/2023/VLC/NQ-HĐQT, 12/2023/VLC/NQ-HĐQT, 13/2023/VLC/NQ-HĐQT, 14/2023/VLC/NQ-HĐQT và 15/2023/VLC/NQ-HĐQT ngày 12/05/2023.
3. Phụ lục III: Điều lệ tổ chức và hoạt động của VLC ngày 08/06/2022;
4. Phụ lục IV:
   - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý I năm 2023 của VLC;
   - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2021 của CTCP GTNfoods (công ty bị sáp nhập).
5. Các tài liệu pháp lý liên quan đến dự án:
   - Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 12/08/2021 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc;
   - Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc;
   - Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 28/04/2022 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc;
   - Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc;
   - Quyết định số 3545/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc;
   - Giấy phép xây dựng số 01/GPXD ngày 21/02/2023 của Sở Xây dựng Tỉnh Vĩnh Phúc;
   - Thỏa thuận số 17/2021/VBTT ngày 06/12/2021 giữa VLC và Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc.

NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 29 *tháng* 06 *năm* 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MAI KIỀU LIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH PHƯƠNG NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HOÀNG MẠNH CƯỜNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI – CHI NHÁNH HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

NGUYỄN THỊ THANH HÀ